319	1321050575	Lê Thị Thanh	Huyền	22/10/1995	Vĩnh Phú	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
320	1321050105	Nguyễn Ngọc	Khánh	26/10/1995	Nam Định	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
321	1321050594	Lê Văn	Khoa	20/06/1995	Thanh Hóa	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
322	1321050113	Phạm Văn	Lâm	04/01/1995	Thái Bình	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
323	1321050114	Lê Thị	Lệ	03/11/1995	Thanh Hóa	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
324	1321050614	Lê Thị Thùy	Linh	23/06/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
325	1321050622	Nguyễn Văn	Lộc	11/01/1995	Hưng Yên	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
326	1321050630	Phạm Thị Lưu	Ly	29/03/1995	Thái Nguyên	2.81	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
327	1321050639	Trương Đức	Nam	27/08/1995	Phú Thọ	2.95	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
328	1321050145	Ngô Thị Hồng	Ngọc	19/09/1994	Thái Bình	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
329	1321050149	Lường Thị	Nguyên	02/02/1995	Thanh Hóa	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
330	1321050161	Nguyễn Đức	Phương	29/04/1995	Hà Nam	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
331	1321050174	Phạm Minh	Sơn	15/01/1994	Thái Bình	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
332	1321050709	Nguyễn Thị	Thảo	29/11/1995	Sơn La	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
333	1321050710	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/10/1995	Hà Nội	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
334	1321050726	Nguyễn Thị	Thơ	15/03/1994	Hải Dương	2.88	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
335	1321050728	Nguyễn Thị	Thơm	13/09/1995	Hà Tây	3.23	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
336	1321050732	Nguyễn Thị Hà	Thu	15/08/1995	Hà Nội	2.86	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
337	1321050735	Nghiêm Thu	Thủy	19/12/1995	Hà Nội	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
338	1321050779	Vũ Anh	Tuấn	21/08/1995	Quảng ninh	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
339	1321050220	Phan Thị	Tươi	20/04/1994	Thái Bình	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_1
340	1321050017	Nguyễn Ngọc	Bích	14/11/1994	Hà Nội	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
341	1321050027	Đỗ Văn	Chuyên	31/10/1995	Hưng Yên	2.48	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2

342	1321050039	Hà Thị Thùy	Dinh	17/10/1995	Thái Bình	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
343	1321050079	Hà Thị	Hồng	13/02/1995	Nam Định	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
344	1321050085	Trần Thị	Huệ	10/03/1995	Nam Định	2.28	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
345	1321050606	Hà Thị	Lan	02/09/1995	Thanh Hóa	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
346	1321050627	Trần Thị Thu	Lương	09/03/1995	Hải Dương	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
347	1321050634	Lương Thị	Mùi	13/09/1995	Nam Định	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
348	1321050730	Đàm Thị	Thu	28/04/1994	Nghệ An	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
349	1321050741	Bùi Thị	Thương	28/01/1995	Thái Bình	2.79	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT58_2
350	1421050701	Nguyễn Thị	Tuyền	14/02/1996	Bắc Giang	3.11	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Kinh tế	DCCTKT59_1
351	1121050334	Nguyễn Thanh	Tùng	03/05/1992	Hà Nội	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM56
352	1321050409	Lê Tuấn	Anh	16/10/1995	Bắc Giang	2.40	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
353	1321050419	Trần Việt	Anh	20/04/1995	Hà Nội	2.70	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
354	1321050423	Bùi Văn	Bảo	27/05/1995	Hải Dương	2.19	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
355	1321050437	Nguyễn Hữu	Chung	07/08/1989	Thanh Hóa	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
356	1321050032	Lương Quốc	Cường	19/11/1995	Vĩnh Phú	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
357	1321050037	Nhữ Việt	Cường	09/06/1995	Hà Nội	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
358	1321050445	Bùi Mạnh	Cường	28/02/1995	Phú Thọ	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
359	1321050490	Nguyễn Quy	Đức	22/07/1995	Hải Dương	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
360	1321050462	Nguyễn Anh	Dũng	10/01/1995	Quảng Ninh	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
361	1321050471	Phạm Hồng	Duy	11/01/1994	Sơn La	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
362	1321050513	Trần Nam	Hải	27/06/1995	Hà Nội	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
363	1321050536	Lê Thị	Hiền	22/05/1995	Thanh Hóa	3.10	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
364	1321050551	Nguyễn Xuân	Hòa	30/05/1995	Quảng Bình	2.97	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2

365	1321050555	Bùi Huy	Hoàng	09/05/1995	Hà Nội	2.89	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
366	1321050083	Tạ Thị	Hợp	20/02/1995	Vĩnh Phúc	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
367	1321050086	Lê Bá	Hùng	01/08/1994	Thanh Hóa	2.35	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
368	1321050091	Nguyễn Văn	Huy	20/04/1995	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
369	1321050096	Hoàng Công	Huỳnh	18/07/1995	Thái Bình	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
370	1321050102	Đoàn Văn	Khải	24/06/1995	Quảng Ninh	2.72	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
371	1321050107	Lê Minh	Khôi	18/04/1995	Hà Nội	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
372	1321050108	Nguyễn Đình	Khôi	31/01/1993	Nam Định	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
373	1321050117	Lưu Thị Diệu	Linh	27/11/1995	Hà Nội	3.19	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
374	1321050144	Đỗ Thị	Ngọc	01/06/1995	Hải Dương	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
375	1321050146	Nguyễn Thị	Ngọc	13/02/1995	Hà Nội	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
376	1321050661	Trịnh Thị	Phương	03/03/1995	Hà Nội	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
377	1321050668	Nguyễn Văn	Quang	12/03/1995	Quảng Ninh	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
378	1321050682	Nguyễn Doãn	Sáng	09/02/1991	Hà Nội	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
379	1321050713	Nguyễn Thị	Thắm	09/05/1995	Hưng Yên	2.87	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
380	1321050184	Nguyễn Thị	Thảo	04/11/1995	Thanh Hóa	2.78	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
381	1321050721	Nguyễn Kim	Thi	13/09/1995	Phú Thọ	2.96	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
382	1321050194	Hoàng Sỹ	Thông	03/02/1994	Nghệ An	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
383	1321050770	Phạm Bảo	Tú	20/06/1995	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
384	1321050777	Phạm Duy	Tuấn	01/10/1995	Thái Bình	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
385	1321050217	Lê Xuân	Tùng	10/05/1986	Thanh Hóa	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
386	1321050783	Lê Xuân	Tùng	17/01/1995	Hà Nội	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM58_2
387	1321050002	Đoàn Thị Vân	Anh	11/11/1995	Bắc Ninh	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1

388	1321050505	Bùi Thanh	Hải	10/02/1995	Hà Nội	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
389	1321050553	Phạm Đức	Hoàn	31/08/1994	Hà Nội	3.11	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
390	1321050651	Nguyễn Hữu	Như	25/07/1994	Thanh Hóa	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
391	1321050152	Phạm Hải	Ninh	28/02/1993	Quảng Ninh	3.05	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
392	1321050216	Lại Thanh	Tùng	10/11/1995	Vũ Thư, Thái Bình	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
393	1321050797	Hoàng Tuấn	Vũ	02/05/1995	Hải dương	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
394	1321050796	Đinh Ngọc	Vũ	24/03/1995	Thái Bình	3.06	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Mỏ	DCCTMO58_1
395	1021050075	Đặng Ngọc	Phước	19/12/1991	Yên Bái	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM55
396	1121050162	Nguyễn Văn	Cường	03/03/1993	Bắc Ninh	2.38	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM56
397	1221050006	Nguyễn Ngọc	Anh	10/10/1994	Hà Nội	2.16	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
398	1221050600	Nguyễn Hải	Anh	16/08/1991	Hà Nội	2.74	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
399	1221050024	Nguyễn Quang	Duy	26/05/1994	Hà Nội	2.05	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
400	1221050206	Tiết Thanh	Hải	28/02/1994	Thanh Hóa	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
401	1221050227	Nguyễn Hữu	Hiệp	16/11/1994		2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
402	1221050283	Trương Công	Linh	24/04/1993	Hải Dương	2.28	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
403	1221050334	Đỗ Thị	Nhung	31/12/1994	Thái Bình	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
404	1221050108	Nguyễn Thị	Trang	25/06/1994	Bắc Giang	2.91	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
405	1321050436	Đỗ Quốc	Chung	18/08/1995	Hà Tây	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
406	1321050227	Nguyễn Chí	Công	04/01/1995	Hà Nội	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
407	1321050465	Nguyễn Văn	Dũng	10/08/1995	Thanh Hóa	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
408	1321050463	Nguyễn Anh	Dũng	18/08/1995	Hà Tây	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
409	1321050499	Lê Thái	Hà	25/12/1991	Hà Nội	2.91	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
410	1321050507	Lê Minh	Hải	05/08/1995	Thái Bình	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1

CK-UB2

411	1321050528	Nguyễn Thị	Hằng	15/08/1995	Hà Nam	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
412	1321050544	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1995	Hà Nội	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
413	1321050546	Nguyễn Trung	Hiếu	08/11/1994	Hà Nội	2.92	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
414	1321050564	Hoàng Văn	Hợi	16/07/1995	Nghệ An	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
415	1321050568	Nguyễn Đức	Hùng	21/03/1995	Ninh Bình	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
416	1321050569	Nguyễn Mạnh	Hùng	28/11/1994	Hà Nội	2.76	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
417	1321050566	Lâm Mạnh	Hùng	29/01/1995	Đà Nẵng	2.68	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
418	1321050580	Nguyễn Việt	Hưng	06/08/1995	Vĩnh Phúc	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
419	1321050090	Nguyễn Đức	Huy	20/07/1995	Hà Nội	3.02	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
420	1321050092	Trần Văn	Huy	29/11/1995	Hải Dương	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
421	1321030705	Trác Công	Lý	22/08/1995	Hà Tĩnh	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
422	1321050652	Phạm Hải	Ninh	03/08/1995	Hà Nội	2.58	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
423	1321050656	Nguyễn Minh	Phúc	20/08/1995	Nghệ An	2.26	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
424	1321050720	Phùng Văn	Thắng	16/09/1995	Nam Định	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
425	1321050181	Hồ Trung	Thao	17/11/1994	Nghệ An	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
426	1321050723	Nguyễn Thị	Thiện	15/03/1995	Bắc Giang	2.25	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
427	1321050727	Nguyễn Thị	Thơm	10/08/1995	Nghệ An	2.65	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
428	1321050752	Nguyễn Đình	Tới	16/06/1994	Thanh Hóa	2.67	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
429	1321050755	Nguyễn Mỹ	Trinh	07/01/1995	Hải Dương	2.72	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
430	1321050767	Phạm Quang	Trường	10/04/1994	Thanh Hóa	2.47	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
431	1321050772	Trần Công	Tú	21/08/1994	Thái Bình	2.67	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
432	1321050213	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/09/1995	Hà Nội	2.53	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1
433	1321050218	Trần Xuân	Tùng	18/05/1995	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM58_1

434	1421050577	Nguyễn Hồng	Sơn	23/11/1996	Bắc Giang	2.66	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM59_1
435	1221050164	Nguyễn Thành	Công	18/09/1994	Hải Dương	2.12	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD57
436	1221050069	Phạm Văn	Lợi	12/02/1994	Nam Định	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD57
437	1221050072	Mai Trọng	Minh	24/11/1994	Hà Bắc	2.49	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD57
438	1321050054	Hoàng Thành	Đạt	27/06/1994	Sơn La	2.23	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
439	1321050044	Nguyễn Văn	Dũng	15/11/1995	Bắc Ninh	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
440	1321050048	Nguyễn Thùy	Dương	27/11/1995	Vĩnh Phú	2.92	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
441	1321050069	Lê Thị	Hằng	09/09/1995	Thanh Hóa	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
442	1321050540	Cồ Như	Hiền	23/09/1995	Nam Định	2.89	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
443	1321050548	Trần Đức	Hiếu	01/05/1994	Thái Bình	2.36	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
444	1321050100	Hoàng Thị	Hường	30/09/1994	Hà Bắc	3.05	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
445	1321050590	Nguyễn Bảo	Khanh	04/08/1995	Liên bang Nga	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
446	1321050592	Đại Duy	Khánh	23/09/1994	Vĩnh Phúc	2.30	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
447	1321050122	Nguyễn Văn	Long	22/02/1995	Vĩnh Phúc	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
448	1321050185	Chu Văn	Thắng	13/09/1995	Nghệ An	2.31	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
449	1321050200	Lê Thị	Thúy	08/09/1995	Thanh Hóa	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
450	1321050199	Nguyễn Xuân	Thủy	19/04/1994	Thái Bình	2.45	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
451	1321050206	Đoàn Đức	Toàn	27/06/1995	Nam Định	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
452	1321050776	Nguyễn Thanh	Tuấn	03/03/1995	Vĩnh Phú	2.84	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
453	1321050221	Nguyễn Anh	Văn	28/10/1994	Thái Bình	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD58_1
454	1421030641	Lê Xuân	Vũ	09/08/1993	Hưng Yên	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD59_1
455	0821020376	Phùng Thế	Thêm	01/10/1984	Hà Nội	6.13	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT53B
456	1021020120	Nguyễn Tiến	Hùng	14/05/1992	Nam Định	2.2	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT55A

457	1021020185	Phạm Văn	Ngọc	04/04/1991	Bắc Giang	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT55A
458	1021020313	Trần Tuấn	Vũ	14/01/1990	Thái Bình	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT55A
459	1121020242	Đặng Văn	Cảnh	24/12/1992	Nam Định	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT56A
460	1121020286	Trần Minh	Hoàng	17/02/1993	Hà Nội	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT56A
461	1121020270	Nguyễn Trường	Giang	06/02/1993	Thanh Hoá	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT56B
462	1121020111	Trần Hoàng	Long	30/06/1993	Nghệ An	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT56B
463	1221020399	Nguyễn Văn	Nam	23/02/1994	Hà Tây	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT57B
464	1221020520	Bùi Đức	Trung	11/03/1994	Hải Dương	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT57B
465	1221020500	Nguyễn Duy	Tú	28/09/1994	Tuyên Quang	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT57B
466	1321020011	Trần Đức	Anh	19/04/1995	Hà Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
467	1321020409	Lương Tuấn	Anh	23/05/1995	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
468	1321020416	Nguyễn Tuấn	Anh	15/10/1995	Nghệ An	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
469	1321020012	Trần Nam	Anh	04/08/1995	Hà Tây	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
470	1321020017	Trần Xuân	Ba	21/07/1995	Thái Bình	3.13	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
471	1321020018	Trần Ngọc	Ban	16/04/1995	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
472	1321020019	Khổng Trọng	Bích	20/09/1995	Vĩnh Phúc	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
473	1321020438	Nguyễn Đức	Chiều	17/11/1995	Nam Hà	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
474	1321020029	Phan Thanh	Chuyển	26/02/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
475	1321020034	Hoàng Văn	Cường	24/10/1995	Hà Tây	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
476	1321020061	Hoàng Tiến	Đạt	05/08/1995	Nam Định	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
477	1321020477	Kiều Ngọc	Đạt	01/11/1994	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
478	1321020451	Đào Ngọc	Diệp	04/10/1995	Thái Bình	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
479	1321020496	Hoàng Anh	Đức	28/06/1995	Hải Dương	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1

480	1321020056	Đoàn Văn	Dương	09/02/1995	Nam Định	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
481	1321020058	Trần Khánh	Dương	06/11/1995	Hà Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
482	1321050049	Nguyễn Triều	Dương	21/08/1995	Hà Nội	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
483	1321020053	Phạm Ngọc	Duy	21/11/1995	Ninh Bình	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
484	1321020080	Nguyễn Mạnh	Hà	12/04/1994	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
485	1321020088	Trần Hoàng	Hải	04/12/1994	Nghệ An	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
486	1321020515	Lưu Thị	Hải	30/10/1995	Vĩnh Phúc	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
487	1321020525	Nguyễn Danh	Hào	15/01/1995	Phú Thọ	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
488	1321020531	Nguyễn Đức	Hậu	23/10/1994	Hải Phòng	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
489	1321020097	Vũ Đức	Hiệp	14/03/1995	Nam Định	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
490	1321020544	Ngô Thanh	Hoàn	18/08/1995	Bắc Giang	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
491	1321020551	Nguyễn Viết	Hợi	06/04/1995	Hà Tĩnh	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
492	1321020115	Nguyễn Đức	Hùng	14/11/1995	Vĩnh Phú	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
493	1321020119	Vũ Quang	Huy	20/05/1995	Nam Định	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
494	1321020116	Hoàng Văn	Huy	13/08/1995	Hà Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
495	1321020820	Phạm Trung	Huy	21/07/1995	Ninh Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
496	1321020125	Trần Quang	Khải	25/10/1994	Nam Định	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
497	1321020601	Trần Khánh	Lâm	05/05/1995	Thái Bình	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
498	1321020598	Phạm Công	Lãm	04/04/1994	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
499	1321020599	Nguyễn Văn	Lành	04/10/1995	Nam Hà	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
500	1321020139	Nguyễn Văn	Linh	11/09/1995	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
501	1321020611	Phạm Duy	Long	24/04/1994	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
502	1321020141	Vũ Vân	Long	19/04/1995	Hà Nội	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1

503	1321020630	Hoàng Văn	Mậu	28/04/1994	Bắc Giang	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
504	1321020148	Nguyễn Hữu	Minh	14/07/1995	Hà Nội	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
505	1321020261	Đào Nhật	Minh	09/12/1995	Hà Nội	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
506	1321020641	Mai Thanh	Nam	03/06/1990	Nam Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
507	1321020655	Cao Sỹ	Nhân	22/06/1994	Nghệ An	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
508	1321020161	Lê Thị	Oanh	01/12/1995	Hải Dương	2.95	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
509	1321020671	Trần Văn	Phúc	04/11/1994	Nam Định	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
510	1321020675	Đỗ Thị	Phượng	06/04/1995	Hà Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
511	1321020174	Nguyễn Mạnh	Quân	13/06/1994	Thái Bình	3.19	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
512	1321020691	Nguyễn Văn	Quyết	28/02/1995	Thái Bình	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
513	1321020694	Bùi Đình	Sơn	02/09/1995	Nam Định	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
514	1321020202	Nguyễn Thị	Thắm	11/06/1995	Thanh Hóa	2.99	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
515	1321020726	Trần Văn	Thiệu	01/10/1994	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
516	1321020727	Nguyễn Huy	Thịnh	16/12/1994	Bắc Ninh	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
517	1321020204	Phùng Đức	Thịnh	18/11/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
518	1321020207	Lương Thị	Thu	15/08/1995	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
519	1321020212	Đoàn Đức	Thuận	21/09/1995	Tuyên Quang	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
520	1321020738	Lê Đình	Thuật	21/02/1994	Hà Tĩnh	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
521	1321020217	Đặng Thành	Thức	04/11/1994	Hà Tĩnh	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
522	1321020753	Vũ Đình	Tiến	28/06/1994	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
523	1321020750	Nguyễn Trần	Tiến	18/10/1994	Hưng Yên	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
524	1321020755	Vũ Văn	Tình	04/11/1995	Nam Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
525	1321020222	Ngô Đức	Toàn	15/08/1995	Thái Bình	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1

526	1321020757	Phạm Công	Toàn	02/05/1995	Hải Phòng	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
527	1321020223	Trần Văn	Toàn	19/07/1995	Hà Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
528	1321020225	Bùi Văn	Tới	17/05/1994	Thái Bình	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
529	1321020760	Nguyễn Thị	Trang	11/12/1994	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
530	1321020250	Nguyễn Văn	Tưởng	05/08/1994	Nam Định	3.16	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
531	1321020808	Nguyễn Anh	Vinh	24/05/1995	Hà Tây	3.19	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
532	1321020810	Mạc Tuấn	Vũ	23/03/1995	Hải Dương	2.93	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình-ĐKT	DCDCCT58_1
533	1321020423	Trần Ngọc	ánh	01/06/1995	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
534	1321020422	Nguyễn Ngọc	ánh	23/10/1995	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
535	1321020428	Lê Thanh	Bắc	25/10/1994	Vĩnh Phú	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
536	1321070022	Nguyễn Thiện	Công	13/07/1995	Nghệ An	2.82	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
537	1321020036	Nguyễn Ngọc	Cường	08/07/1993	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
538	1321020040	Hà Thị Bích	Diệp	09/03/1995	Hà Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
539	1321020071	Tăng Văn	Đông	19/01/1995	Hải Dương	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
540	1321020046	Phạm Văn	Dũng	13/08/1995	Lào Cai	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
541	1321020043	Nguyễn Bá	Dũng	08/10/1995	Bắc Ninh	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
542	1321020467	Đặng Tùng	Dương	21/09/1994	Thanh Hóa	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
543	1321020517	Phạm Tuấn	Hải	11/01/1994	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
544	1321020090	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1995	Nghệ An	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
545	1321020522	Khuất Thị Mỹ	Hạnh	08/09/1995	Hà Nội	3.15	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
546	1321020523	Nguyễn Đình	Hạnh	08/10/1995	Bắc Ninh	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
547	1321020526	Nguyễn Thị	Hảo	05/01/1995	Hải Dương	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
548	1321020124	Vi Văn	Hưởng	16/02/1995	Lạng Sơn	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1

549	1321020568	Trần Đình	Huy	30/12/1995	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
550	1321020131	Ngô Doãn	Khởi	25/09/1995	Hà Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
551	1321020595	Nguyễn Trung	Kiên	15/08/1994	Hà Tây	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
552	1321020140	Nguyễn Thành	Long	30/05/1995	Vĩnh Phú	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
553	1321020618	Phạm Văn	Lương	25/09/1994	Nghệ An	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
554	1321020152	Lâm Văn	Mừng	27/08/1995	Lạng Sơn	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
555	1321020658	Trần Bá	Nhật	26/02/1995	Nghệ An	3.06	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
556	1321020685	Nguyễn Trọng	Quân	28/04/1995	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
557	1321020678	Nguyễn ích	Quang	07/02/1995	Hà Nội	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
558	1321020176	Lưu Xuân	Quý	12/09/1993	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
559	1321020692	Nguyễn Duyên	Quỳnh	16/07/1995	Hà Tây	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
560	1321020180	Nguyễn Xuân	Sinh	10/10/1995	Nghệ An	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
561	1321050173	Phạm Hùng	Sơn	03/09/1995	Nam Định	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
562	1321020709	Ngô Văn	Thái	04/08/1995	Nam Định	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
563	1321020197	Đặng Đình	Thao	09/09/1993	Hải Hưng	2.83	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
564	1321020206	Nguyễn Văn	Thỏa	11/04/1995	Nam Định	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
565	1321020758	Trần Minh	Toàn	19/05/1995	Nghệ An	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
566	1321020230	Nguyễn Thị Thảo	Trang	27/05/1995	Nghệ An	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
567	1321020762	Trần Thị Thu	Trang	16/09/1995	Quảng Ninh	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
568	1321030257	Trương Đức	Tuấn	22/04/1995	Nam Định	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
569	1321020787	Nguyễn Đăng	Tuấn	02/06/1995	Hà Tĩnh	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
570	1321020245	Nguyễn Đức	Tùng	17/08/1995	Hà Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
571	1321020244	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/1993	Hà Nội	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1

572	1321020249	Nguyễn Văn	Tuyến	15/08/1995	Hà Tây	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
573	1321020251	Lê Huy	Vận	08/02/1995	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
574	1321020256	Cao Văn	Vương	14/03/1995	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
575	1321020817	Bùi Thị Hà	Xuyên	12/01/1995	Hà Nội	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_1
576	1321020406	Lê Ngọc	Anh	09/03/1995	Quảng Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
577	1321020410	Ngô Vân	Anh	26/10/1995	Hưng Yên	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
578	1321020041	Nguyễn Thị Kim	Dung	08/05/1995	Hà Nội	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
579	1321020511	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/04/1995		2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
580	1321020099	Trần Trung	Hiếu	27/07/1995	Thái Bình	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
581	1321020102	Nguyễn Thị	Hoa	30/10/1995	Thanh Hóa	3.17	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
582	1321020122	Phạm Thị	Hương	28/08/1995		3.18	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
583	1321020621	Nguyễn Thị	Mai	20/10/1995	Hà Bắc	2.62	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
584	1321020682	Hoàng Văn	Quân	16/01/1995	Nghệ An	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
585	1321020702	Vũ Thái	Sơn	21/09/1995	Hải Phòng	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
586	1321020205	Nguyễn Thị	Thoa	31/05/1994	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_2
587	1321020015	Mai Thị Ngọc	ánh	25/05/1994	Hà Tĩnh	2.96	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
588	1321020532	Phạm Thị	Hậu	23/10/1995	Nghệ An	2.86	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
589	1321020098	Cảnh Chi	Hiếu	23/06/1995	Hà Tây	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
590	1321020564	Hoàng Văn	Huy	28/05/1993	Thanh Hóa	2.73	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
591	1321020571	Trần Thị	Huyền	20/12/1995	Hưng Yên	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
592	1321020610	Nguyễn Tùng	Long	04/01/1994	Hà Nội	2.79	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
593	1321020634	Nguyễn Duy Anh	Minh	19/05/1995	Nghệ An	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
594	1321020680	Bùi Minh	Quân	31/05/1995	Hải Hưng	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4

595	1321020188	Nguyễn Thị	Tâm	12/12/1995	Hải Dương	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
596	1321020752	Trần Văn	Tiến	25/01/1995	Thanh Hóa	2.75	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
597	1321020783	Lê Văn	Tuấn	23/03/1995	Tuyên Quang	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
598	1221020354	Vũ Hữu	Lợi	16/02/1994	Nam Định	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
599	1221020475	Nguyễn Đình	Thế	31/07/1993	Nam Hà	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
600	1021020209	Nguyễn Văn	Quảng	07/06/1992	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCDCDS55
601	1121020216	Nguyễn Mạnh	Tuấn	19/05/1993	Thái Bình	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK56
602	1221020315	Phạm Văn	Hiếu	24/07/1993	Thái Bình	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
603	1321020449	Nguyễn Văn	Cường	30/12/1994	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
604	1321020540	Lưu Minh	Hiếu	06/12/1993	Thanh Hóa	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
605	1321020129	Nguyễn Đức	Khiêm	16/04/1994	Ninh Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
606	1321020133	Ngô Ngọc	Lam	09/10/1995	Thanh Hóa	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
607	1321020137	Vũ Thị	Liên	16/04/1995	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
608	1321020605	Đỗ Thị Thùy	Linh	18/02/1995	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
609	1321020638	Nguyễn Kiều	My	24/12/1995	Hà Nội	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
610	1321020155	Nguyễn Giang	Nam	12/05/1995	Quảng Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
611	1321020166	Nông Văn	Phương	20/11/1995	Bắc Giang	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
612	1321020688	Lê Hữu	Quyền	12/09/1995	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
613	1321020696	Đỗ Thị Hồng	Sơn	05/02/1994	Thái Nguyên	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
614	1321020193	Nguyễn Chí	Thanh	08/09/1995	Nam Định	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
615	1321020712	Nguyễn Văn	Thanh	09/08/1995	Nam Định	3.08	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
616	1321020194	Dương Minh	Thành	10/09/1995	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
617	1321020221	Phạm Thanh	Tịnh	11/07/1995	Hải Dương	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2

618	1321020763	Nguyễn Hữu	Tráng	10/02/1995	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
619	1321020770	Nguyễn Thành	Trung	13/03/1994	CHLB Đức	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
620	1321020242	Nguyễn Viết	Tuấn	17/08/1995	Hà Tây	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
621	1321020796	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/1995	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
622	1321020809	Nguyễn Thế	Vinh	11/11/1995	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK58_2
623	1021020015	Nguyễn Văn	Bằng	12/07/1992	Vĩnh Phúc	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
624	1021020068	Vũ Sơn	Đông	30/04/1992	Vĩnh Phúc	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
625	1021020112	Đặng Thái	Học	23/03/1992	Vĩnh Phúc	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
626	1021020540	Nguyễn Đức	Khải	03/01/1992	Hà Nội	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
627	1021020516	Đỗ Văn	Khánh	08/03/1990	Thanh Hóa	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
628	1021020157	Nguyễn Văn	Luân	08/02/1992	Vĩnh Phúc	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
629	1021020238	Vi Văn	Thành	19/05/1991	Bắc Giang	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
630	1021020539	Nguyễn Mạnh	Trường	19/09/1991	Hà Nội	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
631	1121020323	Hoàng Trọng	Nghĩa	05/02/1992	Nghệ An	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV56A
632	1221020526	Vi Quang	Trung	05/03/1994	Phú Thọ	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57B
633	1321020026	Hoàng Quốc	Cần	20/01/1995	Nam Định	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
634	1321020033	Hoàng Mạnh	Cường	15/09/1995	Bắc Ninh	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
635	1321020472	Nguyễn Quang	Đảng	05/03/1995	Nam Định	2.91	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
636	1321020066	Bùi Văn	Điện	04/04/1995	Nam Định	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
637	1321020072	Trần Duy	Đông	29/08/1991	Thanh Hóa	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
638	1321020491	Đặng Tiến	Đông	04/02/1995	Nam Định	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
639	1321020075	Vũ Văn	Đức	20/03/1995	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
640	1321020499	Nguyễn Văn	Đức	22/08/1995	Hải Dương	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1

641	1321020464	Nguyễn Văn	Duy	19/08/1995	Nam Định	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
642	1321020077	Đặng Xuân	Giang	12/08/1995	Nam Định	2.03	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
643	1321020079	Đặng Thu	Hà	19/05/1994	Thái Bình	3.05	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
644	1321020089	Lê Thị	Hạnh	29/04/1995	Thanh Hóa	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
645	1321020546	Kiều Xuân	Hoàng	01/08/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
646	1321020560	Trần Mạnh	Hùng	14/11/1995	Thái Nguyên	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
647	1321020579	Vũ Văn	Hưng	18/03/1995	Nam Định	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
648	1321020123	Nguyễn Văn	Hường	06/02/1994	Bắc Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
649	1321020118	Phạm Văn	Huy	04/03/1995	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
650	1321020597	Hoàng Tuấn	Kiệt	30/08/1995	Hà Nội	2.69	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
651	1321020143	Phan	Luật	20/10/1994	Hà Tĩnh	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
652	1321020640	Lường Bá	Nam	14/04/1995	Thanh Hóa	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
653	1321020160	Đặng Thị Huyền	Nương	03/08/1995	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
654	1321020708	Nguyễn Văn	Tập	29/04/1995	Hải Dương	2.99	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
655	1321020729	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/1995	Bắc Giang	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
656	1321020745	Trần Đăng	Thức	15/01/1994	Hà Tây	2.78	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
657	1321020219	Hoàng Anh	Tiến	25/02/1994	Nghệ An	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
658	1321020226	Nguyễn Thị	Trà	11/11/1995	Nghệ An	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
659	1321080107	Phan Thị	Trang	23/07/1995	Bắc Giang	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
660	1321020231	Nguyễn Ngọc	Triều	19/12/1993	Nghệ An	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_1
661	1321020769	Nguyễn Đức	Trung	12/02/1995	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
662	1321020014	Trương Viết Năm	Anh	11/10/1995	Hà Nội	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
663	1321020452	Đoàn Thị	Diệu	28/12/1995	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2

664	1321020078	Lê Thị Hà	Giang	14/06/1995	Thái Bình	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
665	1321020091	Trương Đình	Hậu	19/08/1995	Hà Tây	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
666	1321020100	Nguyễn Huy	Hiệu	30/03/1995	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
667	1321020110	Nguyễn Thị	Hồng	18/08/1995	Hà Nội	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
668	1321020127	Lê Văn	Khang	27/11/1995	Bắc Giang	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
669	1321020128	Nguyễn Văn	Khánh	17/02/1995	Hà Tây	2.98	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
670	1321020144	Lưu Thị	Lý	09/08/1995	Vĩnh Phú	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
671	1321020622	Phạm Thị Trà	Mai	19/01/1995	Nghệ An	3.04	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
672	1321020146	Nguyễn Văn	Mạnh	15/10/1995	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
673	1321020185	Vũ Văn	Tài	20/02/1994	Hưng Yên	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
674	1321020717	Vũ Thị	Thảo	24/12/1994	Hà Nam	3.01	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
675	1321020715	Đỗ Thu	Thảo	02/06/1995	Hải Dương	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
676	1321020213	Bùi Thị	Thủy	08/09/1995	Thanh Hóa	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
677	1321020238	Vũ Ngọc	Tú	12/08/1995	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
678	1321020248	Ngô Thị	Tuyến	06/02/1995	Bắc Giang	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV58_2
679	1021010045	Hoàng Trọng	Chung	13/05/1992	Thanh Hóa	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	DCDKDC55
680	1021010228	Hoàng Kim	Nam	09/04/1992	Ninh Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	DCDKDC55
681	1221010292	Nguyễn Vũ	Quỳnh	28/02/1994	Hà Tây	2.00	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
682	1221040441	Vũ Ngọc	Sơn	11/08/1993	Hà Tây	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
683	1221010295	Đặng Thế	Sơn	20/06/1994	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
684	1321010015	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/01/1995	Bắc Giang	3.09	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
685	1321020023	Lê Văn	Cảnh	12/09/1995	Thanh Hóa	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
686	1321010043	Lê Thế	Công	20/05/1994	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2

687	1321010050	Hồ Văn	Cường	17/07/1994	Nghệ An	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
688	1321010064	Phạm Thị	Diệp	20/08/1995	Thái Bình	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
689	1321020519	Trần Minh	Hải	14/11/1995	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
690	1321010187	Nguyễn Thị	Hương	10/02/1995	Bắc Giang	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
691	1321010206	Vũ Thị	Liên	22/04/1995	Thanh Hóa	3.59	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
692	1321010209	Đặng Thị Mỹ	Linh	30/08/1995	Bắc Giang	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
693	1321030700	Đỗ Văn	Luân	04/09/1995	Hải Dương	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
694	1321010251	Đỗ Huỳnh	Ngọc	20/12/1995	Khánh Hòa	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
695	1321010438	Tạ Xuân	Phong	08/06/1994	Ninh Bình	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
696	1321010264	Trần Văn	Phòng	27/12/1995	Bắc Ninh	3.72	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
697	1321010319	Lê Phương	Thảo	20/02/1995	Thanh Hóa	2.51	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
698	1321010343	Nguyễn Minh	Thông	13/02/1995	Nghệ An	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
699	1321010347	Vũ Thị Lệ	Thu	23/02/1994	Ninh Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
700	1321011103	Đặng Thị	Thư	06/02/1995	Bắc Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
701	1321010369	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/05/1995	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
702	1321010376	Lê Viết	Trọng	05/09/1995	Thanh Hóa	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
703	1321031003	Hoàng Văn	Tuấn	12/07/1995	Nghệ An	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
704	1321010408	Nguyễn Thanh	Tùng	29/03/1995	Hà Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC58_2
705	1121010081	Trần Quang	Đạt	27/09/1992	Nghệ An	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV56
706	1221010064	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	09/10/1994	Hà Tây	2.91	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
707	1221010174	Đỗ Văn	Khang	11/12/1994	Hưng Yên	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
708	1321010002	Chử Xuân	Anh	06/08/1995	Hà Nội	3.05	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
709	1321010011	Nguyễn Thị Hải	Anh	10/10/1995	Hưng Yên	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1

710	1321010012	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	29/10/1995	Nghệ An	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
711	1321010014	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/01/1995	Hải Phòng	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
712	1321010036	Phạm Bá	Biên	15/04/1995	Hải Dương	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
713	1321010039	Phạm Văn	Bình	09/04/1994	Thái Bình	3.15	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
714	1321010101	Phạm Văn	Đạt	23/09/1995	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
715	1321010133	Trần Việt	Hà	03/02/1995	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
716	1321010153	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1995	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
717	1321010221	Nguyễn Văn	Luân	06/10/1995	Bắc Ninh	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
718	1321010248	Lê Tuấn	Nghĩa	01/02/1995	Hà Nội	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
719	1321030770	Phạm Văn	Ninh	15/05/1994	Nghệ An	2.59	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
720	1321010272	Bùi Văn	Phương	11/03/1995	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
721	1321010275	Nguyễn Thị Thùy	Phương	12/09/1995	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
722	1321010311	Cao Ngọc	Thành	12/02/1995	Thanh Hóa	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
723	1321010318	Đoàn Thị	Thảo	04/02/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
724	1321010321	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/01/1993	Nghệ An	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
725	1321010323	Nguyễn Thu	Thảo	01/11/1995	Thái Bình	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
726	1321010337	Nguyễn Mạnh	Thể	22/10/1995	Nam Định	2.97	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
727	1321010352	Hoàng Văn	Thủy	09/08/1995	Tuyên Quang	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
728	1321010358	Ngô Bá	Tiến	10/08/1995	Hải Dương	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
729	1321010359	Phạm Văn	Tiến	22/08/1995	Thanh Hóa	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
730	1321010371	Phạm Quỳnh	Trang	27/01/1995	Hà Nội	3.62	Xuất sắc	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_1
731	1321010016	Nguyễn Tú	Anh	10/11/1995	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
732	1321010022	Vũ Thị Vân	Anh	24/09/1995	Thái Bình	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2

733	1321010030	Đinh Xuân	Bách	22/05/1995	Hà Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
734	1321040440	Lê Thị Hồng	Diệp	11/03/1995	Nam Định	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
735	1321010126	Đậu Thị	Hà	05/11/1995	Nghệ An	2.96	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
736	1321010140	Đoàn Thị	Hạnh	10/04/1995	Hải Dương	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
737	1321010170	Nguyễn Thị	Huệ	18/02/1995	Bắc Ninh	3.12	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
738	1321010186	Trần Thanh	Hưng	07/02/1992	Lào Cai	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
739	1321010201	Đào Hoàng	Lan	04/06/1995	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
740	1321010247	Nguyễn Thị	Năm	09/02/1995	Nam Hà	2.92	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
741	1321010260	Đặng Thị Mai	Như	29/09/1995	Hà Nội	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
742	1321010286	Nguyễn Văn	Quyết	02/07/1995	Nam Hà	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
743	1321010296	Trần Thanh	Sơn	25/12/1995	Nam Hà	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
744	1321010328	Hoàng Nguyễn	Thắng	11/01/1995	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
745	1321010330	Lê Thị	Thắng	28/08/1995	Thanh Hóa	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
746	1321010320	Nguyễn Thị	Thảo	28/06/1995	Hưng Yên	2.57	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
747	1321010326	Vũ Thị	Thảo	04/10/1995	Vĩnh Phú	2.88	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
748	1321010342	Nguyễn Văn	Thỏa	17/04/1995	Nam Định	3.02	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
749	1321010353	Trần Văn	Thủy	25/12/1995	Thanh Hóa	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
750	1321010364	Nguyễn Thị	Toàn	31/01/1995	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
751	1321010370	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/07/1994	Bình Thuận	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
752	1321010382	Lê Văn	Trường	22/10/1995	Bắc Giang	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
753	1321010417	Lê Thị	Vân	01/07/1995	Thanh Hóa	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
754	1321010431	Đỗ Hải	Yến	02/08/1995	Hà Nội	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV58_2
755	1021011009	Nguyễn Mạnh	Cường	16/09/1991	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK55VT

756	1121010131	Nguyễn Tuấn	Hiệp	04/09/1993	#N/A	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56A
757	1121010009	Lưu Thế	Anh	06/03/1992	Thanh Hoá	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56B
758	1121030284	Nguyễn Đức	Hiệp	24/10/1993	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56B
759	1121010133	Hoàng Chí	Hiếu	29/10/1993	Vĩnh Phúc	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56B
760	1121020161	Nguyễn Công	Quyền	01/03/1993	Nam Hà	2.51	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56B
761	1121010403	Nguyễn Phương	Vững	03/04/1992	Hà Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
762	1221010066	Nguyễn Trọng	Doanh	17/07/1992	Nam Định	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
763	1221010367	Vũ Văn	Triển	16/12/1994	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
764	1321010055	Nguyễn Văn	Cường	21/05/1994	Hà Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
765	1321050033	Nguyễn Mạnh	Cường	26/10/1992	Hà Nội	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
766	1321010067	Doãn Đình	Du	07/09/1995	Nam Định	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
767	1321010075	Nguyễn Tiến	Dũng	14/02/1995	Thái Bình	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
768	1321010135	Bùi Thái	Hải	04/05/1995	Nghệ An	2.82	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
769	1321020514	Đặng Hoàng	Hải	21/07/1995	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
770	1321010174	Đoàn Văn	Huy	26/08/1995	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
771	1321010190	Phạm Công	Khải	30/10/1995	Thái Bình	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
772	1321010222	Vũ Văn	Lục	26/08/1995	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
773	1321010228	Hoàng Văn	Mạo	06/04/1993	Nghệ An	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
774	1321010268	Nguyễn Văn	Phúc	09/10/1995	Hưng Yên	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
775	1321010270	Trịnh Văn	Phúc	26/10/1992	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
776	1321010279	Đỗ Ngọc	Quang	06/10/1994	Nam Định	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
777	1321010295	Phan Thái	Sơn	23/11/1995	Gia Lai	3.11	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
778	1321010303	Bùi Văn	Tám	05/08/1995	Nam Định	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1

779	1321010312	Cấn Trung	Thành	13/05/1995	Hà Nội	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
780	1321010317	Vũ Văn	Thành	14/07/1993	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
781	1321010324	Phan Văn	Thảo	16/08/1995	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
782	1321010339	Hoàng Văn	Thịnh	28/02/1995	Thái Bình	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
783	1321040573	Phan Sang	Thu	20/02/1995	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
784	1321010389	Vũ Văn	Tú	19/09/1994	Thanh Hóa	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
785	1321010390	Nguyễn Việt	Tuân	12/08/1995	Thái Nguyên	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
786	1321010397	Nguyễn Anh	Tuấn	31/08/1995	Hà Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
787	1321010399	Phạm Hoàng	Tuấn	13/01/1995	Thanh Hóa	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
788	1321010412	Hà Đăng	Tường	02/04/1995	Hải Phòng	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_1
789	1321010001	Chu Đức	Anh	10/01/1995	Hà Nội	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
790	1321010004	Lê Đức	Anh	10/05/1995	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
791	1321010008	Nguyễn Đức	Anh	11/07/1995	Phú Thọ	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
792	1321010007	Ngô Công Tuấn	Anh	02/07/1995	Hải Hưng	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
793	1321010010	Nguyễn Hồng	Anh	07/02/1995	Hà Nội	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
794	1321010009	Nguyễn Đức Duy	Anh	07/04/1995	Bắc Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
795	1321060013	Phạm Tuấn	Anh	22/07/1994	Hải Hưng	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
796	1321010031	Hà Xuân	Bách	08/03/1995	Thái Bình	2.96	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
797	1321010054	Nguyễn Đình	Cường	20/01/1993	Nghệ An	3.08	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
798	1321020447	Hoàng Ngọc	Cường	05/11/1995	Thái Bình	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
799	1321010092	Cao Đức	Đại	20/01/1995	Thanh Hóa	3.14	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
800	1321010094	Lê Chu Hoàng	Đại	09/08/1995	Hải Phòng	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
801	1321010095	Lê Văn	Đại	21/10/1995	Nam Định	3.04	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2

802	1321010069	Lê Xuân	Duẩn	16/11/1995	Nam Hà	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
803	1321010119	Vũ Đình	Đức	23/06/1995	Thanh Hoá	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
804	1321060046	Cao Tiến	Dũng	23/03/1995	Hà Tây	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
805	1321010091	Phạm Minh	Dương	27/10/1995	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
806	1321010081	Lê Bảo	Duy	04/06/1995	Gia Lai	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
807	1321010124	Vũ Trường	Giang	24/01/1995	Nghệ An	3.64	Xuất sắc	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
808	1321010139	Trần Văn	Hải	12/12/1995	Thanh Hóa	3.03	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
809	1321010150	Nguyễn Tuấn	Hiệp	07/01/1995	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
810	1321010164	Nguyễn Văn	Học	28/11/1995	Thanh Hóa	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
811	1321010166	Phan Thị	Hợi	08/07/1995	Thanh Hóa	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
812	1321010171	Đỗ Đình	Hùng	17/05/1995	Thái Bình	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
813	1321020117	Lê Minh	Huy	31/03/1995	Hải Phòng	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
814	1321010177	Nguyễn Quang	Huy	07/08/1995	Hải Phòng	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
815	1321010198	Phùng Duy	Khương	28/03/1995	Hải Phòng	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
816	1321010218	Đỗ Văn	Lợi	22/07/1995	Bắc Ninh	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
817	1321010224	Nguyễn Bá	Lương	13/03/1995	Hà Tây	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
818	1321010241	Nguyễn Văn	Nam	15/02/1995	Nghệ An	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
819	1321010263	Phạm Xuân	Phong	06/03/1995	Nam Định	2.85	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
820	1321010266	Trần Sỹ	Phú	25/04/1995	Thái Bình	3.26	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
821	1321010280	Hoàng Văn	Quang	04/11/1995	Thái Bình	3.05	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
822	1321040247	Dương Hồng	Thái	28/08/1995	Hà Tây	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
823	1321010315	Phạm Văn	Thành	03/04/1995	Nam Định	3.05	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
824	1321010314	Nguyễn Trọng	Thành	12/05/1995	Bắc Giang	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2

825	1321010316	Vũ Đức	Thành	16/10/1995	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
826	1321070650	Phạm Duy	Thành	20/11/1995	Hưng Yên	2.64	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
827	1321010340	Lê Đôn	Thịnh	10/07/1994	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
828	1321010365	Nguyễn Văn	Toản	14/05/1995	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
829	1321010380	Phạm Văn	Trung	28/10/1995	Thái Bình	3.03	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
830	1321010383	Lê Văn	Trường	05/09/1995	Hà Tây	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
831	1321010392	Đào Minh	Tuấn	19/02/1995	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
832	1321010396	Nguyễn Anh	Tuấn	21/11/1995	Bắc Giang	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
833	1321020240	Hoàng Anh	Tuấn	15/12/1995	Bắc Thái	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
834	1321010410	Trần Văn	Tùng	30/03/1995	Ninh Bình	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
835	1321010425	Trần Văn	Võ	29/12/1995	Nam Định	3.10	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
836	1321010428	Nguyễn Văn	Vương	22/09/1995	Nam Định	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
837	1321010432	Đồng Thị Hoàng	Yến	03/05/1995	Bắc Giang	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58_2
838	1321011005	Vũ Việt	Anh	15/04/1995	Phú Thọ	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
839	1321011009	Bùi Văn	Chinh	06/08/1993	Nghệ An	3.06	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
840	1321011020	Hoàng Hải	Đăng	23/02/1995	Quảng Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
841	1321011018	Trần Văn	Đạt	26/09/1995	Nghệ An	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
842	1321011010	Nguyễn Thành	Diên	19/09/1995	Hải Dương	2.71	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
843	1321011026	Nguyễn Văn	Đức	05/02/1994	Hải Hưng	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
844	1321011031	Trần Khoa	Hậu	04/07/1995	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
845	1321011051	Đỗ Thành	Hưng	03/02/1995	Bình Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
846	1321011059	Lê Sỹ	Kim	18/03/1995	Nghệ An	2.79	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
847	1321011071	Vũ Hồng	Long	05/03/1995	Thái Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT

848	1321011074	Nguyễn Quang	Minh	28/08/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
849	1321011084	Nguyễn Văn	Nhựt	08/04/1995	Phú Yên	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
850	1321011085	Trần Đức	Phong	29/09/1995	Hà Nội	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
851	1321011086	Nguyễn Minh	Phúc	07/02/1995	Thái Bình	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
852	1321011101	Nguyễn Văn	Thỉnh	20/03/1994	Nam Định	2.78	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
853	1321011102	Huỳnh Ngọc	Thông	13/05/1995	Hà Tĩnh	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
854	1321011104	Trần Quốc	Toản	26/02/1995	Thái Bình	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
855	1321011113	Nguyễn Minh	Tùng	20/12/1995	TP Hồ Chí Minh	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
856	1321011114	Nguyễn Khắc	Vũ	14/11/1995	Phú Thọ	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK58VT
857	1321010003	Đinh Tuấn	Anh	12/12/1995	Thái Bình	2.75	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
858	1321010104	Vũ Công	Định	17/05/1995	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
859	1321010072	Lê Trọng	Dũng	12/03/1995	Thanh Hóa	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
860	1321010149	Nguyễn Tiến	Hiển	22/07/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
861	1321010199	Nguyễn Trung	Kiên	18/06/1995	Hải Phòng	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
862	1321010203	Đặng Thanh	Lâm	06/05/1995	Thái Bình	2.87	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
863	1321010271	Bùi Thị	Phương	11/02/1995	Thái Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
864	1321010277	Nguyễn Văn	Phương	30/07/1994	Phú Thọ	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
865	1321010288	Cao Văn	Soạn	20/03/1995	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
866	1321010361	Đặng Văn	Tình	01/02/1994	Nghệ An	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
867	1321010384	Phan Huy	Trường	25/07/1995	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
868	1321010404	Lê Thanh	Tùng	14/06/1995	Thái Bình	3.14	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
869	1321010421	Trịnh Huy	Việt	29/06/1995	Thanh Hoá	3.07	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
870	1321010422	Lê Văn	Vinh	07/04/1995	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2

CX 1152

871	1321010424	Phạm Thành	Vinh	12/06/1995	Thái Bình	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKT58_2
872	0921050205	Đặng Xuân	Hội	25/10/1991	Thanh Hóa	2.31	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD54B
873	1021010107	Lê Việt	Đức	04/09/1992	Thanh Hóa	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD55B
874	1021010246	Lê Viết	Ngọc	19/12/1992	Thanh Hóa	2.52	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD55B
875	1064040042	Nguyễn Bá	Thủy	28/12/1992		2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD55TH
876	1121010215	Nguyễn Thị	Lụa	04/09/1993	Thái Bình	3.07	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56A
877	1121010266	Vũ Quốc	Quyền	22/03/1993	Nam Định	2.44	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56A
878	1121010368	Vũ Đình	Trung	10/03/1993	Thanh Hoá	2.36	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56A
879	1121010199	Ngô Văn	Lâm	09/03/1993	Nam Định	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56B
880	1121010332	Trần Văn	Thủy	05/03/1993	Nam Định	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56B
881	1121010389	Lê Xuân	Tùng	07/02/1993	Đăk Lăk	2.24	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD56B
882	1221010107	Nguyễn Trung	Đức	03/05/1994	Thanh Hóa	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57A
883	1221010176	Nguyễn Công	Khanh	28/10/1994	Vĩnh Phú	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
884	1221010284	Nguyễn Xuân	Quân	19/10/1994	Thái Bình	2.48	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
885	1221010321	Dương Ngọc	Thảo	12/10/1994	Hải Hưng	2.80	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
886	1221010358	Nguyễn Văn	Toàn	19/10/1994	Thái Bình	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
887	1221010417	Nguyễn Xuân	Việt	08/06/1994	Thanh Hóa	2.90	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD57B
888	1321010020	Triệu Hoàng	Anh	27/11/1995	Cao Bằng	2.69	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
889	1321010048	Nhữ Linh	Cương	04/07/1995	Bắc Giang	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
890	1321010146	Đặng Thị Thu	Hiền	11/02/1995	Hà Nam	2.85	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
891	1321040496	Hoàng Mạnh	Hùng	02/09/1994	Thanh Hóa	2.39	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
892	1321010179	Đinh Thị	Huyền	30/08/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
893	1321010204	Cao Hoàng Nhật	Lân	20/01/1995	Hải Dương	2.73	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1

894	1321010208	Đặng Thị Mỹ	Linh	07/11/1994	Hà Bắc	3.21	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
895	1321010215	Mai Thị	Loan	08/07/1995	Thanh Hóa	2.97	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
896	1321010360	Phí Văn	Tiến	29/09/1995	Thái Bình	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
897	1321010375	Mai Duy	Trinh	28/08/1995	Quảng Ngãi	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
898	1321010385	Trần Văn	Trường	09/01/1995	Nam Định	2.45	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_1
899	1321010021	Vũ Ngọc	Anh	25/07/1995	Thái Bình	2.93	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
900	1321010040	Hoàng Thị Thảo	Chi	07/05/1995	Thanh Hóa	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
901	1321010044	Mai Đức	Công	24/08/1995	Ninh Bình	2.73	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
902	1321010046	Nguyễn Thị Thu	Cúc	01/01/1995	Nam Định	2.79	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
903	1321010056	Nguyễn Văn	Cường	02/04/1986	Thanh Hóa	3.66	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
904	1321070456	Đỗ Thành	Đạt	11/10/1995	Thanh Hoá	2.68	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
905	1321010106	Lâm Quý	Đoàn	12/11/1995	Nam Định	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
906	1321010065	Bùi Đăng	Doanh	22/03/1995	Thái Bình	2.84	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
907	1321010068	Nguyễn Đình	Du	30/09/1992	Thái Bình	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
908	1321010115	Nguyễn Đình	Đức	12/10/1995	Bắc Giang	2.97	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
909	1321010079	Nguyễn Hữu	Dụng	23/09/1995	Nam Định	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
910	1321010123	Trần Thị Hương	Giang	29/07/1995	Hà Nội	3.19	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
911	1321010127	Hồ Văn	Hà	17/10/1995	Nghệ An	3.47	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
912	1321010138	Trần Thanh	Hải	17/03/1995	Hà Nam	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
913	1321030561	Phùng Hoàng Ngọc	Hân	30/05/1995	Hà Tây	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
914	1321020527	Đào Thị	Hằng	26/05/1994	Hải Phòng	3.27	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
915	1321010144	Phạm Thị	Hằng	30/09/1995	Nam Định	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
916	1321010143	Phạm Thị	Hằng	02/10/1995	Tuyên Quang	3.33	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2

917	1321010145	Vũ Thị	Hằng	14/01/1995	Hải Phòng	3.48	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
918	1321010142	Phạm Như	Hảo	28/08/1995	Hà Tây	3.03	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
919	1321010148	Ngô Ngọc	Hiển	07/03/1995	Thái Bình	2.49	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
920	1321010155	Nguyễn Đình	Hiệu	12/02/1995	Ninh Bình	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
921	1321010159	Đinh Xuân	Hoàng	27/07/1994	Nam Định	2.93	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
922	1324010509	Bùi Ngọc	Hoàng	12/08/1993	Hà Nam	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
923	1321030601	Lê Thị	Hồng	01/11/1994	Thanh Hóa	2.86	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
924	1321010168	Khúc Thị	Huệ	12/04/1995	Thanh Hóa	3.26	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
925	1321010173	Nguyễn Việt	Hùng	20/12/1995	Thái Bình	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
926	1321010194	Nguyễn Duy	Khánh	11/04/1995	Thanh Hóa	2.74	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
927	1321010196	Bùi Văn	Khôi	26/12/1995	Nam Định	2.54	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
928	1321010212	Nguyễn Nhật	Linh	29/05/1995	Hà Nội	2.83	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
929	1321010211	La Văn	Linh	10/12/1995	Thanh Hóa	3.05	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
930	1321010210	Đỗ Thị Thùy	Linh	07/01/1995	Thanh Hóa	3.05	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
931	1324010572	Nguyễn Bảo	Long	06/04/1994	Hà Nội	2.80	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
932	1321010227	Vũ Xuân	Mạnh	13/01/1995	Nam Định	2.26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
933	1321010232	Nguyễn Duy	Minh	10/10/1995	Thanh Hóa	2.31	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
934	1321010231	Hoàng Trọng	Minh	04/09/1995	Hải Phòng	2.79	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
935	1321010230	Đỗ Văn	Minh	20/11/1995	Thanh Hóa	2.71	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
936	1321010246	Trương Văn	Nam	02/11/1995	Hưng Yên	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
937	1321011079	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/03/1994	Nam Định	2.49	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
938	1321010254	Nguyễn Thị	Nhài	31/01/1995	Nam Định	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
939	1321010262	Phạm Văn	Phong	08/11/1995	Nam Định	2.81	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2

940	1321010282	Đỗ Hoàng Hải	Quân	31/03/1994	Thái Bình	2.21	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
941	1321010298	Vũ Hoài	Sơn	04/05/1995	Lạng Sơn	2.95	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
942	1321010292	Nguyễn Trung	Sơn	15/10/1995	Gia Lai	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
943	1321010299	Lê Khắc	Sỹ	10/01/1995	Thanh Hóa	2.85	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
944	1321020706	Nguyễn Trọng	Tân	24/02/1995	Nghệ An	2.65	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
945	1321010305	Nguyễn Huy	Thạch	26/08/1995	Hà Tĩnh	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
946	1321020711	Phạm Văn	Thái	03/02/1995	Nghệ An	2.81	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
947	1321010310	Trần Thị	Thanh	11/05/1995	Thanh Hóa	2.94	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
948	1321010308	Nguyễn Thị	Thanh	16/07/1995	Hải Dương	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
949	1321010322	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/06/1995	Thanh Hóa	3.43	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
950	1321070674	Nguyễn Văn	Toàn	15/01/1995	Thái Bình	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
951	1321020228	Lê Thị Thu	Trang	07/09/1994	Hà Nội	2.71	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
952	1321010367	Nguyễn Hà	Trang	04/10/1995	Hải Phòng	3.56	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
953	1321060327	Phan Huy	Tú	24/01/1994	Hà Tây	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
954	1321010401	Đào Duy	Tùng	18/11/1995	Thanh Hóa	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
955	1321010405	Nguyễn Duy	Tùng	20/12/1995	Thanh Hóa	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
956	1321010407	Nguyễn Ngọc	Tùng	20/02/1995	Hà Nội	2.67	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
957	1321010413	Hà Thị	Uyên	10/09/1995	Thanh Hóa	3.55	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
958	1321010414	Lê Vạn	Văn	19/09/1995	Thanh Hóa	2.79	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
959	1321010420	Phạm Anh	Việt	15/08/1995	Thanh Hóa	2.68	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
960	1321010423	Nguyễn Văn	Vinh	27/07/1995	Thái Bình	2.95	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
961	1321010427	Lê Tuấn	Vũ	08/04/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58_2
962	1321011004	Trần Đình	Anh	29/10/1994	Hà Tĩnh	2.45	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT

963	1321011052	Hồ Văn	Hướng	02/08/1995	Gia Lai	2.70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
964	1321011048	Bùi Thị Thu	Huyên	01/06/1995	Phú Yên	3.09	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
965	1321011056	Nguyễn Phúc	Khánh	02/09/1995	Bình Định	3.21	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
966	1321011058	Trần Văn	Khánh	02/12/1991	Nam Định	2.89	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
967	1321011064	Nguyễn Thành	Lâm	14/04/1995	Hải Dương	2.52	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
968	1321011063	Lê Văn	Lâm	05/05/1994	Bình Định	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
969	1321011072	Nguyễn Thành	Luân	10/08/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
970	1321011073	Nguyễn Thị	Ly	13/06/1995	Nghệ An	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
971	1321011077	Đào Hữu	Nam	22/09/1993	Yên Bái	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
972	1321011081	Phạm Viết	Ngọc	08/12/1995	Nghệ An	2.82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
973	1321011087	Trần Xuân	Phúc	11/08/1995	Gia Lai	2.48	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
974	1321011088	Hoàng Văn	Quang	07/01/1994	Nghệ An	2.46	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
975	1321011094	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/06/1994	Hà Tĩnh	2.83	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
976	1321011093	Lê Như	Quỳnh	10/03/1995	Thái Bình	2.61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
977	1321011095	Hoàng Nhất	Sinh	22/09/1995	Gia Lai	2.72	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
978	1321011100	Nguyễn Nguyên	Thảo	05/10/1995	Cần Thơ	2.75	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
979	1321011106	Nguyễn Đoàn Bá	Trí	19/08/1995	Quảng Ngãi	3.26	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
980	1321011109	Phạm Minh	Tú	14/09/1995	Nam Định	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	DCDKLD58VT
981	1121011050	Hoàng Văn	Quyết	09/12/1993	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB56VT
982	1321010026	Trần Ngọc	ánh	29/12/1995	Thái Bình	2.92	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
983	1321010059	Trương Văn	Cường	21/08/1995	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
984	1321010096	Nguyễn Thế	Đàn	26/02/1995	Hưng Yên	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
985	1321010102	Trịnh Quốc	Đạt	06/07/1995	Thanh Hóa	3.01	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2

986	1321010103	Tạ Văn	Điệp	21/11/1995	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
987	1321010113	Vũ Quang	Đông	08/01/1995	Thái Bình	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
988	1321010118	Trần Văn	Đức	06/09/1995	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
989	1321010074	Ngô Thanh	Dũng	26/10/1995	Hà Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
990	1321011032	Hoàng Văn	Hiển	18/02/1995	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
991	1321010163	Trần Huy	Hoàng	25/09/1995	Nam Định	2.80	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
992	1321010185	Nguyễn Quang	Hưng	20/12/1995	Hải Dương	2.90	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
993	1321010176	Nguyễn Hoàng	Huy	25/10/1995	Gia Lai	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
994	1321010233	Nguyễn Việt	Minh	04/11/1995	Hải Phòng	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
995	1321010274	Lưu Văn	Phương	18/08/1995	Thanh Hóa	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
996	1321010285	Trần Văn	Quân	19/07/1995	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
997	1321010290	Nguyễn Tất Hoàng	Sơn	01/08/1995	Hà Tây	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
998	1321010332	Ngô Tiến	Thắng	06/07/1995	Thanh Hóa	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
999	1321010333	Ngô Văn	Thắng	05/07/1994	Thanh Hóa	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1000	1321010346	Trần Thị	Thu	27/08/1995	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1001	1321010351	Hoàng Thu	Thủy	01/06/1995	Thái Bình	2.96	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1002	1321010357	Lê Ngọc	Tiến	12/02/1995	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1003	1321010403	Hoàng	Tùng	02/02/1995	Thái Nguyên	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1004	1321010406	Nguyễn Mạnh	Tùng	15/03/1995	Thái Nguyên	2.91	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1005	1321010416	Hoàng Thị	Vân	01/02/1995	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58_2
1006	0924010260	Nguyễn Tiến	Thành	24/08/1991	Hải Dương	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD54C
1007	1124010405	Chu Văn	Việt	13/01/1993	Hưng Yên	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56A
1008	1124010048	Nguyễn Văn Thiện	Đại	05/07/1993	Nghệ An	2.08	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56C

1009	1124010395	Phạm Thị	Tươi	09/03/1993	Hải Dương	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56C
1010	1224010158	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/08/1994	Hà Nội	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
1011	1324010062	Mai Tất	Đắc	06/12/1995	Nam Định	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58_3
1012	1324010691	Bùi Minh	Thép	05/01/1995	Hà Nội	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58_3
1013	1324010328	Đỗ Minh	Tú	09/02/1995	Hà Nội	2.06	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58C
1014	1424010019	Hoàng Văn	Chương	22/12/1996	Nam Hà	2.40	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1015	1424010020	Lê Văn	Công	08/11/1995	Thái Bình	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1016	1424010283	Hoàng Thị	Giang	01/12/1996	Thanh Hóa	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1017	1424010104	Phạm Thị Thùy	Linh	04/08/1995	Hà Nội	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1018	1424010102	Nguyễn Thị Hạnh	Linh	24/04/1996	Vĩnh Phú	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1019	1424010431	Vũ Hoàng	Long	17/08/1995	Lai Châu	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1020	1421050124	Nguyễn Thị Sao	Mai	28/10/1996	Hải Hưng	3.29	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1021	1424010148	Lê Thị	Ninh	03/02/1996	Nam Định	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1022	1424010187	Tạ Văn	Thuận	27/04/1996	Thái Bình	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1023	1424010209	Vũ Thị	Tuyết	13/12/1996	Bắc Giang	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh dầu khí	DCKTKD59_2
1024	1421050004	Chu Mai	Anh	28/12/1995	Hà Nội	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1025	1421030268	Nguyễn Xuân	ánh	07/06/1995	Hà Nội	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1026	1424010251	Nguyễn Kiều	Chi	28/08/1996	Ninh Bình	2.90	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1027	1424010260	Phạm Duy	Cường	23/05/1995	Hà Nội	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1028	1424010026	Ngô Văn	Dụng	10/04/1996	Hà Tây	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1029	1424010273	Lê Thùy	Dương	13/02/1996	Thái Bình	3.34	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1030	1424010029	Phạm Thị	Duyên	25/12/1996	Nam Định	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1031	1424010034	Đinh Thị	Hà	26/09/1996	Thanh Hóa	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3

1032	1424010038	Nguyễn Thiện	Hải	18/05/1996	Hà Nội	2.12	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1033	1424010321	Tạ Minh	Hiền	25/09/1996	Quảng Ninh	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1034	1424010051	Vũ Hữu	Hiệp	15/12/1996	Quảng Ninh	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1035	1424010054	Đỗ Thị	Hòa	20/09/1996	Quảng Ninh	3.35	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1036	1424010387	Trần Thị Lan	Hương	07/10/1995	Hà Nội	3.67	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1037	1424010087	Lê Thị Thanh	Hường	04/09/1996	Thanh Hóa	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1038	1424010066	Lê Gia	Huy	09/08/1996	Thanh Hóa	2.40	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1039	1424010069	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1995	Hải Dương	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1040	1424010090	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	28/10/1996	Hà Tây	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1041	1424010402	Trương Thị Phương	Kiều	24/06/1996	Thái Nguyên	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1042	1424010094	Nguyễn Thị Bích	Liên	10/09/1996	Vĩnh Phúc	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1043	1424010410	Nguyễn Thị	Liễu	04/03/1995	Nam Định	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1044	1424010100	Đỗ Thị ánh	Linh	18/05/1995	Hà Tây	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1045	1424010098	Đinh Mỹ	Linh	21/04/1996	Hà Nội	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1046	1424010105	Phùng Thị	Linh	06/09/1996	Hà Tây	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1047	1424010120	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	04/07/1995	Thanh Hóa	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1048	1424010123	Đinh Xuân	Minh	24/08/1996	Hà Nội	3.14	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1049	1424010134	Ngô Thị	Ngọc	14/10/1996	Thái Bình	3.37	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1050	1424010142	Đỗ Thị Hồng	Nhung	20/11/1996	Thái Bình	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1051	1424010143	Lại Thị Hồng	Nhung	28/12/1996	Thái Bình	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1052	1424010493	Nguyễn Bá	Phong	05/11/1996	Bắc Ninh	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1053	1424010150	Bùi Thị	Phương	26/10/1996	Nam Định	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1054	1424010513	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/09/1996	Nam Định	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3

1055	1424010167	Trần Thanh	Sang	01/07/1996	Nghệ An	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1056	1424010518	Hoàng Minh Ngọc	Sơn	17/10/1996	Thanh Hóa	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1057	1424010546	Đào Duy	Thu	30/09/1996	Bắc Giang	3.57	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1058	1424010189	Nguyễn Minh	Thùy	01/03/1995	Thanh Hóa	3.41	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1059	1424010190	Nguyễn Thị	Thủy	08/11/1996	Nam Định	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1060	1424010198	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/09/1996	Quảng Ninh	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1061	1424010196	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/06/1996	Lào Cai	2.60	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1062	1424010579	Đoàn Thị	Trang	10/10/1995	Nam Định	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1063	1424010206	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/1996	Quảng Ninh	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1064	1424010208	Nguyễn Thị	Tuyết	12/12/1996	Thái Bình	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD59_3
1065	1221040150	Phạm Thị Phương	Loan	12/01/1994	Quảng Ninh	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58_2
1066	1324010306	Đỗ Đặng Quỳnh	Trang	11/07/1995	Hà Nội	3.07	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58_2
1067	1324010452	Nguyễn Minh	Đức	21/01/1995	CHLB Đức	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
1068	1324010169	Mai Thị	Loan	10/02/1995	Nam Định	2.44	Trung bình	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
1069	1324010327	Cao Thị Thanh	Tú	14/06/1995	Hà Nội	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58A
1070	1324010428	Lại Văn	Chuyên	03/04/1995	Thái Bình	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
1071	1324010312	Lương Thị	Trang	24/09/1995	Nam Định	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58B
1072	1321050529	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/09/1995	Hà Tây	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_58G
1073	1424010011	Triệu Thị Kim	Anh	03/10/1996	Nam Định	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1074	1424010007	Tăng Thị	Anh	19/11/1996	Bắc Giang	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1075	1424010240	Trương Thị Mai	Anh	22/04/1996	Hà Nội	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1076	1424010009	Trần Thị Lan	Anh	07/11/1996	Nam Định	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1077	1424010640	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/03/1995	Thanh Hóa	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1

1078	1424010253	Phạm Thị	Chinh	29/08/1996	Thái Bình	3.66	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1079	1424010262	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	25/05/1996	Nam Định	2.97	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1080	1424010023	Đoàn Xuân	Du	07/12/1995	Nam Định	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1081	1424010027	Nguyễn Thị	Duyên	14/02/1996	Hải Dương	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1082	1424010028	Nguyễn Thị	Duyên	08/09/1996	Nam Định	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1083	1424010272	Nguyễn Mỹ	Duyên	23/05/1996	Hải Dương	3.33	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1084	1424010032	Nguyễn Thị Hương	Giang	04/07/1996	Hà Nội	2.88	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1085	1424010288	Lê Thị	Hà	13/02/1996	Ninh Bình	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1086	1424010290	Vũ Thị Thu	Hà	29/12/1996	Thái Bình	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1087	1424010293	Phan Thanh	Hải	07/07/1995	Thái Bình	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1088	1424010304	Đỗ Thị	Hằng	09/01/1996	Lào Cai	3.51	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1089	1424010041	Lã Thu	Hằng	12/11/1996	Quảng Ninh	3.63	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1090	1424010039	Cao Thị	Hảo	30/09/1996	Thái Bình	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1091	1424010331	Phan Văn	Hiếu	08/12/1996	Nam Định	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1092	1424010339	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	11/04/1996	Quảng Ninh	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1093	1424010335	Hoàng Thị Bích	Hoa	15/05/1996	Vĩnh Phúc	3.40	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1094	1424010342	Đỗ Minh	Hòa	19/12/1996	Hà Nam	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1095	1424010344	Nguyễn Thị Lệ	Hòa	01/06/1996	Hà Bắc	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1096	1424010346	Lê Thị	Hoài	07/03/1996	Thanh Hóa	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1097	1424010354	Lê Thị	Hồng	05/09/1996	Nam Định	3.28	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1098	1424010062	Hà Ngọc	Huệ	10/08/1996	Yên Bái	2.65	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1099	1424010078	Khúc Thị Thanh	Hương	19/10/1996	Hải Phòng	3.28	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1100	1424010220	Đỗ Thanh	Hương	25/12/1996	Bắc Giang	3.24	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1

1101	1424010382	Nguyễn Thị	Hương	15/10/1995	Nghệ An	3.38	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1102	1424010081	Nguyễn Thị	Hương	24/04/1996	Hải Phòng	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1103	1424010082	Nguyễn Thị Liên	Hương	02/02/1996	Thái Bình	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1104	1424010085	Võ Thị	Hương	17/03/1996	Vĩnh Phú	3.42	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1105	1424010084	Tô Thị	Hương	28/01/1996	Bắc Giang	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1106	1424010388	Đoàn Thị	Hường	02/11/1996	Bắc Ninh	3.43	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1107	1424010073	Phan Thị	Huyền	29/10/1996	Ninh Bình	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1108	1421040429	Mai Thanh	Huyền	29/06/1996	Quảng Ninh	3.62	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1109	1424010403	Đinh Thị	La	25/03/1996	Ninh Bình	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1110	1424010406	Nguyễn Thị	Lan	14/01/1996	Bắc Ninh	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1111	1424010096	Phàn Thị	Liên	07/09/1996	Lào Cai	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1112	1424010429	Vũ Khánh	Linh	07/07/1996	Hưng Yên	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1113	1424010101	Nguyễn Hoài	Linh	23/09/1996	Quảng Ninh	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1114	1421080269	Trần Thị Mỹ	Linh	04/10/1996	Quảng Ninh	3.57	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1115	1424010412	Đinh Thị Thùy	Linh	17/02/1996	Hải Phòng	3.64	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1116	1424010416	Lê Đăng	Linh	23/01/1996	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1117	1424010114	Vũ Lê	Long	03/08/1996	Quảng Ninh	3.33	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1118	1421030448	Nguyễn Phương	Mai	13/11/1996	Quảng Ninh	2.90	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1119	1421050122	Nguyễn Quỳnh	Mai	15/05/1996	Thanh Hóa	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1120	1424010441	Lê Thị Hà	My	08/08/1996	Nam Định	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1121	1421050137	Đoàn Thị	Nga	23/07/1996	Thanh Hóa	2.34	Trung bình	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1122	1424010131	Đinh Thị	Ngọc	12/03/1996	Quảng Ninh	2.64	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1123	1424010138	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	14/02/1996	Thái Bình	3.36	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1

1124	1424010476	Hoàng Thị	Nhi	10/09/1996	Nam Định	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1125	1424010147	Vũ Thị	Nhung	29/11/1996	Thái Bình	3.48	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1126	1424010480	Hồ Thị	Nhung	10/07/1996	Nghệ An	2.87	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1127	1424010500	Nguyễn Thị	Phương	04/10/1996	Bắc Giang	3.49	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1128	1424010152	Lưu Thị	Phương	07/03/1996	Ninh Bình	3.57	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1129	1424010159	Nguyễn Thị	Phượng	04/09/1996	Nam Hà	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1130	1424010520	Bùi Thị	Tám	01/09/1996	Hòa Bình	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1131	1424010527	Trần Thị Thanh	Thanh	21/03/1996	Hải Dương	3.27	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1132	1424010174	Vũ Tiến	Thành	11/11/1996	Quảng Ninh	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1133	1424010179	Ngô Thị	Thảo	26/11/1996	Ninh Bình	3.55	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1134	1421020568	Kim Thị	Thảo	08/02/1996	Hà Tây	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1135	1424010552	Nguyễn Thị Thanh	Thu	12/12/1996	Quảng Ninh	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1136	1424010186	Hoàng Đức	Thuận	28/11/1996	Quảng Ninh	2.53	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1137	1424010192	Hoàng Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	Vĩnh Phú	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1138	1424010563	Nguyễn Thị	Thúy	20/08/1996	Hà Nội	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1139	1424010558	Mai Thị	Thủy	09/03/1996	Thanh Hóa	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1140	1424010599	Trần Ngọc	Trâm	18/01/1996	Nam Định	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1141	1424010589	Mã Thu	Trang	16/10/1996	Quảng Ninh	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1142	1424010592	Nguyễn Thị	Trang	12/02/1996	Bắc Ninh	2.89	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1143	1424010583	Lê Thị	Trang	27/02/1996	Thái Bình	3.38	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1144	1421030597	Nguyễn Đình	Tú	10/02/1996	Hà Nội	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1145	1424010625	Nguyễn Thị	Vân	07/02/1996	Nam Định	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1
1146	1424010629	Phạm Thị	Vẻ	30/07/1996	Nam Định	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_1

1147	1424010003	Đồng Thị Ngọc	Anh	24/10/1996	Lào Cai	2.73	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1148	1421030253	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/06/1996	Hưng Yên	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1149	1424010243	Mai Thị Ngọc	ánh	17/07/1995	Nam Định	2.54	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1150	1421050285	Lữ Thị An	Bình	16/02/1996	Hà Nội	3.66	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1151	1424010277	Hoàng Thị	Đào	21/01/1996	Nam Định	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1152	1424010278	Vũ Thị	Đào	22/09/1996	Thái Bình	2.90	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1153	1424010269	Nguyễn Văn	Duy	27/10/1996	Bắc Giang	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1154	1424010035	Nguyễn Ngọc	Hà	19/08/1996	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1155	1424010307	Nguyễn Thị Minh	Hằng	23/06/1995	Thái Bình	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1156	1424010048	Phạm Thị	Hiền	08/12/1996	Thái Bình	3.05	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1157	1424010318	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/10/1995	Nghệ An	2.98	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1158	1424010320	Quách Thu	Hiền	09/01/1996	Vĩnh Phú	3.41	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1159	1424010336	Lê Thị	Hoa	20/03/1996	Hải Dương	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1160	1424010347	Nguyễn Thị Thu	Hoài	19/02/1996	Nam Định	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1161	1424010357	Lỗ Thị	Huế	14/03/1996	Vĩnh Phúc	3.00	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1162	1424010063	Lê Thị	Huệ	02/05/1996	Hà Nội	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1163	1424010379	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	26/02/1996	Hà Nội	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1164	1424010386	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1996	Hải Phòng	3.17	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1165	1424010380	Lê Thị	Hương	19/05/1996	Thanh Hóa	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1166	1424010391	Ngô Thúy	Hường	15/05/1996	Thanh Hóa	3.20	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1167	1424010396	Vũ Thị	Hường	27/03/1996	Nam Định	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1168	1424010389	Lê Thị Thu	Hường	26/05/1996	Ninh Bình	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1169	1424010372	Phạm Thị	Huyền	12/02/1996	Lào Cai	3.14	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2

1170	1424010374	Tạ Thị	Huyền	18/08/1996	Hà Tây	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1171	1421030392	Nguyễn Thanh	Huyền	02/03/1996	Hà Nam	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1172	1421080272	Trương Mỹ	Linh	15/06/1996	Hà Nội	3.28	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1173	1424010099	Đinh Thị Diệu	Linh	23/03/1996	Thái Bình	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1174	1424010426	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/11/1996	Hải Dương	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1175	1424010424	Nguyễn Phương	Linh	27/10/1996	Phú Thọ	2.68	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1176	1424010113	Trần Thị	Loan	25/04/1996	Thái Bình	3.02	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1177	1424010436	Đỗ Thị	Mai	12/12/1996	Nam Định	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1178	1424010448	Đào Thị	Nga	18/06/1996	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1179	1424010642	Hà Thị	Ngân	06/04/1996	Thanh Hóa	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1180	1424010133	Lê Thị Bảo	Ngọc	19/08/1996	Thanh Hóa	2.91	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1181	1424010460	Đỗ Thị Diễm	Ngọc	09/01/1996	Vĩnh Phúc	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1182	1424010464	Phạm Thị Bích	Ngọc	21/09/1996	Thái Bình	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1183	1424010470	Nguyễn Thị Hồng	Nguyên	25/11/1996	Hà Tây	3.23	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1184	1424010472	Lê Thị Thúy	Nhài	11/07/1996	Vĩnh Phú	2.92	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1185	1424010473	Phạm Thị	Nhài	22/02/1996	Thái Bình	3.18	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1186	1424010146	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/05/1996	Thanh Hóa	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1187	1424010479	Dương Thị	Nhung	28/05/1995	Quảng Ninh	3.48	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1188	1424010481	Nguyễn Thị	Nhung	21/09/1996	Thanh Hóa	2.99	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1189	1424010487	Nguyễn Thị	Nụ	29/07/1996	Nam Định	3.17	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1190	1424010491	Nguyễn Hoàng	Oanh	04/08/1996	Hà Nội	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1191	1424010503	Trịnh Thị	Phương	06/09/1996	Thanh Hóa	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1192	1424010154	Nguyễn Thị Minh	Phương	18/03/1996	Hưng Yên	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2

1193	1424010155	Trịnh Hà	Phương	06/08/1996	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1194	1424010160	Phạm Thị	Phượng	06/01/1996	Ninh Bình	3.12	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1195	1424010521	Ngô Thị	Tâm	21/04/1995	Thanh Hóa	3.21	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1196	1424010170	Nguyễn Thị	Tâm	24/11/1996	Hà Tây	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1197	1424010526	Phạm Thị Mai	Thanh	26/11/1996	Hải Phòng	3.65	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1198	1424010180	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/12/1996	Quảng Ninh	3.79	Xuất sắc	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1199	1424010178	Lê Phương	Thảo	12/06/1996	Lào Cai	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1200	1424010185	Nguyễn Thị Phương	Thoa	11/09/1996	Hải Phòng	3.46	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1201	1424010582	Lại Thu	Trang	27/01/1996	Hà Nội	3.42	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1202	1424010199	Nguyễn Thùy	Trang	23/05/1996	Thanh Hóa	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1203	1424010201	Trần Thị Thu	Trang	04/10/1996	Nam Định	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1204	1424010204	Phạm Thị Ngọc	Trinh	30/10/1996	Quảng Ninh	3.31	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1205	1424010610	Nguyễn Ngọc	Tú	25/07/1996	Hà Nội	3.48	Giỏi	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1206	1421040552	Lý Anh	Tú	09/07/1996	Hà Nội	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1207	1424010125	Cao Mộng	Tuyết	10/06/1996	Quảng Ninh	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1208	1424010622	Vương Thị Tố	Uyên	17/08/1996	Hà Tây	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1209	1424010212	Nguyễn Thị	Vân	28/08/1995	Hà Nội	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1210	1424010635	Phạm Thị Thanh	Xuân	07/10/1996	Hải Phòng	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán	DCKTKT_59_2
1211	1424010004	Hoàng Kim	Anh	18/08/1996	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1212	1424010008	Trần Ngọc	Anh	10/12/1996	Vĩnh Phúc	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1213	1424010017	Nguyễn Vân	Chi	30/12/1996	Hà Nội	3.08	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1214	1424010045	Đỗ Thị	Hiền	01/11/1996	Thái Bình	3.45	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1215	1424010044	Đinh Minh	Hiền	22/05/1996	Quảng Ninh	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2

1216	1424010047	Nguyễn Thị	Hiền	20/06/1996	Hà Nội	2.51	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1217	1424010050	Trương Thu	Hiền	20/02/1996	Yên Bái	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1218	1424010052	Bùi Thị	Hoa	23/03/1996	Thái Bình	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1219	1424010060	Lê Thị Thúy	Hồng	19/07/1996	Thanh Hóa	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1220	1424010077	Đặng Thị Mai	Hương	12/12/1996	Hải Phòng	3.06	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1221	1424010067	Hồ Thị	Huyền	18/06/1996	Thái Bình	2.77	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1222	1424010071	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/12/1996	Hải Hưng	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1223	1424010075	Trần Trọng	Huynh	08/03/1996	Thái Bình	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1224	1424010093	Phạm Thị Nhật	Lệ	17/11/1996	Hải Dương	2.25	Trung bình	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1225	1424010097	Trương Thị Hồng	Liên	20/10/1996	Thái Bình	2.47	Trung bình	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1226	1424010219	Mai Thị	Liên	13/06/1995	Lạng Sơn	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1227	1424010103	Nguyễn Thùy	Linh	05/05/1996	Nam Định	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1228	1424010108	Vũ Thùy	Linh	03/02/1996	Quảng Ninh	2.81	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1229	1424010111	Lê Thị	Loan	03/12/1996	Hà Tây	3.48	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1230	1424010110	Hồ Mai	Loan	08/10/1995	Lào Cai	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1231	1424010116	Đặng Thị Xuân	Mai	24/10/1996	Quảng Ninh	3.32	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1232	1424010130	Nguyễn Thị Thanh	Nga	07/01/1995	Thái Bình	3.35	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1233	1424010132	Đỗ Thị	Ngọc	02/06/1996	Thanh Hóa	2.76	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1234	1424010145	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/10/1996	Vĩnh Phú	3.01	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1235	1424010157	Vũ Thị	Phương	25/08/1996	Quảng Ninh	3.20	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1236	1424010161	Nguyễn Thúy	Quyên	10/02/1996	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1237	1424010182	Lê Hồng	Thắm	22/09/1996	Hà Nam	3.23	Giỏi	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1238	1424010181	Trần Thị Thu	Thảo	01/07/1996	Nam Định	2.80	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2

1239	1424010195	Ngô Thị Thu	Trang	26/08/1996	Hà Bắc	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1240	1424010207	Dương Thị	Tuyền	26/04/1996	Thanh Hóa	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1241	1424010216	Phạm Thảo	Yến	13/10/1995	Hà Nội	3.19	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1242	1424010217	Vũ Hải	Yến	01/04/1996	Nam Hà	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán tài chính công	DCKTTC59_2
1243	1121040095	Nguyễn Thế	Hiếu	09/06/1993	Thái Bình	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56B
1244	1121040259	Phạm Văn	Thoại	31/01/1992	Quảng Ninh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56C
1245	1121040031	Đinh Văn	Cường	31/01/1991	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56G
1246	1221040502 D	Tao Văn	Sọn	07/12/1990	Lai Châu	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
1247	1221040400	Ngô Văn	Hoan	15/03/1994	Nam Định	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
1248	1221040149	Phạm Xuân	Linh	11/11/1993	Bắc Giang	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
1249	1221040011	Phạm Tuấn	Anh	22/09/1994	Quảng Ninh	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
1250	1321040411	Phan Đức	Anh	10/05/1995	Hà Tĩnh	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1251	1321040409	Nguyễn Tân	Anh	12/06/1995	Nam Định	2.89	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1252	1321040012	Đào Văn	ánh	14/02/1995	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1253	1321040023	Hoàng Anh	Chiến	19/08/1995	Hà Tây	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1254	1321040025	Đào Văn	Chính	02/07/1995	Thái Bình	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1255	1321040431	Đậu Huy	Chương	03/10/1994	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1256	1321040029	Phạm Chí	Công	15/06/1995	Hưng Yên	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1257	1321040033	Vũ Đình	Cương	10/04/1995	Nam Định	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1258	1321040032	Phạm Đức	Cương	24/12/1995	Lào Cai	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1259	1321040038	Trần Mạnh	Cường	05/01/1995	Ninh Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1260	1321040059	Nguyễn Văn	Đạo	01/08/1995	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1261	1321040063	Phạm Quốc	Đạt	27/05/1995	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1

1262	1321040060	Hoàng Thành	Đạt	09/08/1995	Lào Cai	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1263	1321040066	Trần Văn	Đạt	11/08/1995	Hải Dương	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1264	1321040061	Nguyễn Duy	Đạt	05/01/1995	Nam Định	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1265	1321040463	Phạm Tiến	Đạt	08/11/1995	Lào Cai	3.12	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1266	1321040064	Phạm Văn	Đạt	22/03/1995	Nam Định	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1267	1321040443	Vũ Văn	Doanh	01/10/1995	Hà Tây	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1268	1321040074	Nguyễn Hữu	Đức	01/01/1995	Nghệ An	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1269	1321040339	Nguyễn Việt	Dũng	04/05/1995	Lào Cai	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1270	1321040047	Nguyễn Đăng	Dũng	28/12/1995	Vĩnh Phúc	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1271	1321040054	Nguyễn Thanh	Dương	06/11/1995	Thái Bình	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1272	1321040456	Nguyễn Đức	Dương	26/11/1994	Hà Nam	3.15	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1273	1321040055	Nguyễn Văn	Dương	14/08/1995	Nghệ An	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1274	1321040076	Đỗ Trường	Giang	16/09/1995	Quảng Ninh	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1275	1321040475	Dương Việt	Hà	08/12/1995	Đắk Lắk	3.00	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1276	1321040480	Trần Văn	Hà	28/05/1995	Yên Bái	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1277	1321040086	Phạm Thanh	Hai	09/03/1996	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1278	1321040091	Hoàng Thị	Hiền	28/12/1994	Thanh Hóa	3.57	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1279	1321040095	Nguyễn Ngọc	Hiệp	14/04/1995	Bắc Giang	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1280	1321040100	Đỗ Xuân	Hòa	01/09/1995	Lào Cai	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1281	1321040491	Lê Hữu	Hoàng	15/11/1995	Thanh Hóa	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1282	1321040108	Vũ Văn	Hoàng	09/06/1995	Hải Phòng	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1283	1321040110	Bùi Đắc	Hồng	31/01/1995	Nam Định	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1284	1321040111	Nguyễn Đức	Huấn	22/03/1994	Bắc Giang	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1

1285	1321040117	Nguyễn Xuân	Hùng	05/04/1995	Nghệ An	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1286	1321040132	Ngô Quang	Hưng	24/07/1994	Lào Cai	2.80	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1287	1321040501	Đinh Quang	Huy	04/03/1995	Lào Cai	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1288	1321040121	Chu Hoàng	Huy	04/02/1994	Hà Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1289	1321040148	Nguyễn Đăng	Khương	08/01/1995	Hưng Yên	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1290	1321040507	Vũ Trung	Kiên	06/09/1995	Hải Phòng	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1291	1321040150	Ngân Văn	Lai	15/01/1995	Lào Cai	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1292	1321040151	Vũ Duy	Lâm	04/12/1995	Yên Bái	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1293	1321040152	Hoàng Thùy	Linh	10/05/1995	Lào Cai	3.38	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1294	1321040164	Phạm Văn	Lộc	13/06/1994	Nghệ An	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1295	1321040165	Vũ Đức	Lợi	01/01/1994	Nam Định	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1296	1321040523	Lê Huy	Lợi	05/06/1995	Thanh Hóa	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1297	1321040517	Đỗ Trọng	Long	02/02/1995	Lào Cai	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1298	1321040518	Khuất Văn	Long	31/01/1995	Hà Tây	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1299	1321040524	Dương Mạnh	Luân	13/06/1994	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1300	1321040340	Nguyễn Hoàng	Lương	11/03/1995	Quảng Ninh	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1301	1321040173	Vũ Đức	Mạnh	01/08/1995	Nam Định	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1302	1321040171	Lại Tuấn	Mạnh	03/09/1995	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1303	1321040537	Đỗ Hoàng	Nam	25/10/1995	Hải Dương	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1304	1321040191	Nguyễn Văn	Nghĩa	13/07/1995	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1305	1321040194	Phạm Văn	Ngọc	17/03/1995	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1306	1321040197	Hoàng Văn	Nhất	12/12/1995	Lào Cai	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1307	1321040203	Đinh Văn	Phi	18/05/1995	Nam Định	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1

1308	1321040207	Trần Văn	Phúc	08/08/1995	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1309	1321040551	Nguyễn Huy	Phương	04/10/1994	Nghệ An	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1310	1321040218	Nguyễn Quang	Quân	02/12/1994	Nghệ An	2.88	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1311	1321040215	Bùi Nhật	Quang	19/08/1995	Lào Cai	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1312	1321040221	Đinh Trí	Quyền	18/10/1995	Thái Bình	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1313	1321040226	Nguyễn Duy	Sáng	24/04/1995	Hải Hưng	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1314	1321040233	Nguyễn Hữu	Sơn	18/11/1995	Thanh Hóa	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1315	1321040237	Trịnh Ngọc	Sơn	28/09/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1316	1321040241	Nguyễn Văn	Tâm	20/07/1995	Hà Bắc	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1317	1321040565	Nguyễn Văn	Tân	19/05/1995	Nghệ An	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1318	1321040261	Đặng Vũ	Thắng	07/04/1994	Quảng Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1319	1321040566	Khương Minh	Thành	02/09/1995	Lào Cai	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1320	1321040256	Lương Quý	Thành	09/10/1995	Hà Nam	2.99	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1321	1321040275	Trần Văn	Thiết	15/09/1995	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1322	1321040276	Bùi Văn	Thịnh	10/12/1995	Thái Bình	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1323	1321040577	Lương Minh	Thương	27/03/1994	Hải Dương	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1324	1321040285	Vũ Văn	Thủy	15/06/1995	Lào Cai	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1325	1321040292	Nguyễn Văn	Tiến	26/06/1995	Hà Nội	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1326	1321020756	Nguyễn Duy	Toàn	09/06/1995	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1327	1321040587	Nguyễn Đình	Trọng	23/01/1995	Thái Bình	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1328	1321040309	Phạm Minh	Trung	25/01/1995	Thái Nguyên	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1329	1321020233	Phan Ngọc	Trung	26/08/1995	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1330	1321040310	Nguyễn Huy	Trường	24/09/1995	Thanh Hóa	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1

1331	1321040594	Nguyễn Văn	Trường	24/04/1995	Thái Nguyên	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1332	1321040313	Bùi Quốc	Tú	22/06/1995	Lào Cai	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1333	1321040314	Nguyễn Văn	Tú	18/01/1995	Bắc Ninh	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1334	1321040317	Nguyễn Anh	Tuấn	13/04/1995	Thái Nguyên	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1335	1321040329	Trần Bảo	Việt	07/06/1995	Lào Cai	2.53	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1336	1321040331	Đoàn Quang	Vinh	05/04/1995	Lào Cai	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1337	1321040332	Phạm Công	Vinh	19/12/1994	Nam Định	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1338	1321040333	Phạm Văn	Vọng	30/07/1995	Bắc Giang	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_1
1339	1321040004	Nguyễn Hoàng	Anh	15/03/1995	Đak Lăk	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1340	1321040009	Trần Đức	Anh	21/12/1995	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1341	1321040338	Nguyễn Thành	Biên	09/05/1994	Quảng Ninh	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1342	1321040421	Trần Văn	Biên	20/08/1994	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1343	1321040026	Bùi Hoàng	Chung	01/02/1995	Hải Phòng	3.08	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1344	1321040432	Nguyễn Chí	Công	10/06/1995	Hà Bắc	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1345	1321040434	Nguyễn Quốc	Cương	30/11/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1346	1321040031	Nguyễn Đức	Cương	18/05/1995	Hải Dương	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1347	1321040626	Nguyễn Mạnh	Cường	10/12/1995	Phú Thọ	3.22	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1348	1321040034	Hoàng Mạnh	Cường	04/12/1995	Thái Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1349	1321040037	Phạm Hữu	Cường	16/08/1994	Hà Nam	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1350	1321040040	Vũ Văn	Cường	25/09/1995	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1351	1321040057	Mai Anh	Đại	01/06/1994	Thanh Hóa	2.88	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1352	1321040460	Lê Đức	Đạt	28/02/1995	Nghệ An	3.34	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1353	1321040461	Nguyễn Quốc	Đạt	28/10/1994	Hải Hưng	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2

CX 102

1354	1321040062	Nguyễn Khắc	Đạt	01/03/1995	Thái Bình	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1355	1321040467	Phạm Văn	Định	23/05/1993	Quảng Ninh	3.10	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1356	1321040068	Tạ Trung	Định	17/10/1995	Thái Nguyên	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1357	1321040069	Lưu Văn	Đoàn	11/09/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1358	1321040049	Phùng Văn	Dũng	25/09/1995	Bắc Giang	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1359	1321040445	Hoàng Quốc	Dũng	15/09/1995	Nam Định	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1360	1321040448	Nguyễn Xuân	Dũng	12/12/1995	Hải Dương	2.86	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1361	1321040450	Hà Trọng	Duy	22/08/1995	Thái Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1362	1321040452	Trần Ngọc	Duy	11/04/1995	Nam Định	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1363	1321040079	Nguyễn Văn	Giang	27/06/1995	Hải Phòng	3.54	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1364	1321040077	Nguyễn Đức	Giang	08/07/1995	Quảng Ninh	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1365	1321040081	Nguyễn Xuân	Giáp	18/09/1994	Hưng Yên	2.92	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1366	1321040625	Bùi Văn	Giỏi	20/03/1994	Hưng Yên	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1367	1321040085	Lương Văn	Hai	20/12/1995	Hưng Yên	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1368	1321040087	Huỳnh Ngọc	Hải	20/08/1995	Quảng Ninh	2.89	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1369	1321040089	Nguyễn Minh	Hảo	05/04/1995	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1370	1321040484	Lê Văn	Hậu	09/03/1995	Hải Phòng	2.95	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1371	1321040096	Nguyễn Tuấn	Hiệp	06/09/1995	Thái Bình	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1372	1321040103	Nhữ Đình	Hoan	25/12/1995	Hải Hưng	2.97	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1373	1321040105	Đoàn Minh	Hoàng	12/03/1995	Nam Định	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1374	1321040500	Vương Văn	Hùng	06/06/1995	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1375	1321040114	Ngô Văn	Hùng	18/04/1994	Nghệ An	2.96	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1376	1321040126	Vũ Văn	Huyên	13/08/1995	Nam Định	2.87	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2

1377	1321040142	Lương Văn	Khang	20/01/1995	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1378	1321040147	Nguyễn Đình	Khỏe	05/04/1993	Hải Dương	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1379	1321040515	Trần Đăng	Linh	21/09/1995	Ninh Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1380	1321040520	Nguyễn Văn	Long	24/02/1995	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1381	1321050123	Vũ Đức	Long	20/01/1995	Quảng Ninh	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1382	1321040162	Trần Phi	Long	04/02/1995	Quảng Ninh	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1383	1321040167	Nguyễn Quang	Lục	05/10/1995	Thanh Hóa	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1384	1321040168	Trần	Lực	26/10/1995	Hải Dương	2.88	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1385	1321060183	Phạm Văn	Mạnh	26/11/1994	Hải Dương	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1386	1321040177	Vũ Đức	Minh	20/02/1995	Ninh Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1387	1321040184	Phạm Duy	Nam	14/08/1995	Hà Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1388	1321040186	Trần Phương	Nam	20/12/1995	Ninh Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1389	1321040183	Nguyễn Văn	Nam	23/05/1994	Bắc Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1390	1321040189	Tăng Văn	Nghị	16/06/1995	Hải Dương	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1391	1321040190	Bùi Danh	Nghĩa	02/01/1995	Quảng Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1392	1321040545	Vũ Hải	Ninh	19/04/1995	Quảng Ninh	2.75	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1393	1321040210	Nguyễn Viết	Phương	28/12/1995	Thái Bình	2.89	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1394	1321040214	Phan Thị	Phượng	13/10/1995	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1395	1321040223	Nguyễn Trọng	Quyết	12/11/1994	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1396	1321040224	Đoàn Trọng	Quỳnh	01/03/1994	Hải Phòng	2.72	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1397	1321040232	Mã Văn	Sơn	20/12/1995	Bắc Giang	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1398	1321040234	Nguyễn Ngọc	Sơn	20/05/1995	Ninh Bình	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1399	1321040242	Đỗ Văn	Tân	26/11/1994	Hải Dương	3.07	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2

OK

1400	1321040249	Trần Xuân	Thái	14/07/1994	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1401	1321040259	Nguyễn Văn	Thăng	03/05/1994	Hưng Yên	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1402	1321040253	Đào Trọng	Thành	03/10/1995	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1403	1321040267	Trần Xuân	Thế	26/12/1995	Bắc Giang	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1404	1321040272	Nguyễn Văn	Thiện	13/12/1995	Nam Định	2.95	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1405	1321040277	Đinh Công	Thịnh	24/10/1995	Quảng Ninh	2.74	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1406	1321040282	Nguyễn Đức	Thoại	07/11/1995	Hải Dương	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1407	1321040293	Nguyễn Trọng	Toàn	14/08/1995	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1408	1321040294	Trương Văn	Toàn	25/05/1995	Thái Nguyên	2.65	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1409	1321040303	Đỗ Quang	Trung	26/05/1995	Quảng Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1410	1321040306	Hoàng Việt	Trung	21/11/1995	Hải Phòng	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1411	1321040592	Phạm Tiến	Trung	16/08/1995	Quảng Ninh	2.81	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1412	1321040588	Đặng Thành	Trung	05/01/1995	Quảng Ninh	2.83	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1413	1321040311	Nguyễn Xuân	Trường	02/02/1994	Quảng Ninh	2.77	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1414	1321040315	Trần Ngọc	Tú	19/01/1995	Thái Bình	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1415	1321040324	Trần Xuân	Tùng	05/03/1995	Quảng Ninh	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1416	1321040322	Đỗ Xuân	Tùng	17/10/1994	Thanh Hóa	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1417	1321040325	Phạm Văn	Tuyến	20/11/1995	Hải Dương	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1418	1321040328	Đào Duy	Việt	22/05/1995	Tuyên Quang	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1419	1321040330	Đoàn Đức	Vinh	21/11/1995	Quảng Ninh	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58_2
1420	1421040055	Nguyễn Lê	Duy	01/05/1993	Tuyên Quang	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1421	1421040578	Lê Thanh	Sơn	02/07/1994	Phú Thọ	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_1
1422	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	03/11/1994	Hải Dương	3.04	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT59_2

1423	1021040289	Vũ Văn	Thiện	13/03/1992	Thái Bình	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM55B
1424	1021040294	Hoàng Khắc	Thùa	14/03/1991	Thanh Hóa	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM55B
1425	1121070037	Nguyễn Văn	Tài	02/01/1993	Nghệ An	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM56
1426	1221040083	Vũ Hồng	Hạnh	07/10/1994	Quảng Ninh	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
1427	1321040013	Nguyễn Thị	ánh	20/04/1995	Lào Cai	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1428	1321040022	Phùng Lệ	Chi	09/05/1995	Lào Cai	2.91	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1429	1321040045	Bùi Tiến	Dũng	29/04/1995	Lào Cai	2.51	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1430	1321040082	Nguyễn Thị	Hà	15/03/1995	Lào Cai	2.89	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1431	1321040098	Trần Trung	Hiếu	05/02/1995	Yên Bái	2.56	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1432	1321040492	Nguyễn Bá	Hoàng	29/04/1995	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1433	1321040120	Trương Đức	Hùng	10/01/1995	Hải Dương	2.73	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1434	1321040499	Ninh Văn	Hùng	14/10/1995	Ninh Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1435	1321040133	Trần Văn	Hưng	04/05/1995	Hải Dương	2.94	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1436	1321040136	Đặng Thị	Hường	23/10/1995	Nam Định	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1437	1321040140	Phùng Văn	Hữu	28/09/1995	Lào Cai	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1438	1321040505	Trần Thị Thanh	Huyền	24/11/1995	Nam Hà	3.14	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1439	1321040129	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/09/1995	Lào Cai	3.14	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1440	1321040127	Bùi Thị	Huyền	30/04/1995	Lào Cai	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1441	1321040145	Trần Văn	Khoa	18/05/1995	Lào Cai	2.86	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1442	1321040512	Nguyễn Thị	Liên	13/01/1995	Nam Định	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1443	1321040531	Trần Hùng	Mạnh	11/11/1995	Lào Cai	2.57	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1444	1321040179	Nguyễn Thị	My	19/07/1995	Thái Nguyên	3.17	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1445	1321040536	Nguyễn Thị	Na	05/10/1995	Nghệ An	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1

1446	1321040185	Trần Hoài	Nam	14/08/1995	Lào Cai	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1447	1321040192	Bàng Thị Bích	Ngọc	04/12/1995	Thái Nguyên	2.60	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1448	1321040200	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	28/07/1995	Lào Cai	3.28	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1449	1321040204	Đỗ Văn	Phi	29/04/1995	Nam Định	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1450	1321040552	Nguyễn Thị	Phương	15/12/1995	Hải Dương	2.81	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1451	1321040222	Đỗ Bảo	Quyết	09/07/1995	Thái Nguyên	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1452	1321040263	Lê Đức	Thắng	22/06/1994	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1453	1321040250	Nguyễn Thị	Thanh	11/02/1995	Nam Định	2.78	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1454	1321040289	Đinh Văn	Thức	15/09/1995	Ninh Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1455	1321040582	Nguyễn Đức	Tiệp	12/07/1995	Hải Phòng	2.50	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1456	1321040586	Nguyễn Thùy	Trâm	13/12/1995	Lào Cai	2.96	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1457	1321040299	Nguyễn Thị	Trang	02/02/1995	Ninh Bình	2.63	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1458	1321040304	Hoàng Tuấn	Trung	25/09/1995	Lào Cai	2.70	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1459	1321040601	Lê Văn	Tùng	05/09/1995	Vĩnh Phúc	2.59	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1460	1321040603	Nguyễn Thế	Tùng	13/12/1994	Nam Định	3.17	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1461	1321040611	Nguyễn Văn	Vinh	01/01/1994	Hà Tĩnh	2.72	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1462	1321040617	Bùi Hải	Yến	12/06/1995	Lào Cai	2.61	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển - Luyện quặng kim loại	DCMOTK58_1
1463	1321040007	Nguyễn Tuấn	Anh	19/06/1995	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1464	1321040005	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/03/1995	Thái Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1465	1321040006	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/06/1995	Hải Dương	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1466	1321040017	Nguyễn Thị	Bến	26/01/1995	Quảng Ninh	2.98	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1467	1321040019	Trần Quang	Bình	06/10/1995	Quảng Ninh	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1468	1321040021	Lê Thị	Châm	31/08/1995	Thanh Hóa	2.69	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2

1469	1321040056	Phạm Thị Thùy	Dương	02/05/1995	Quảng Ninh	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1470	1321030073	Nhữ Thị	Hiền	10/11/1995	Bắc Giang	3.08	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1471	1321040115	Nguyễn Trọng	Hùng	15/10/1995	Quảng Ninh	2.69	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1472	1321040135	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12/09/1995	Quảng Ninh	2.72	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1473	1321040134	Hoàng Thị Thu	Hương	21/10/1995	Quảng Ninh	2.71	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1474	1321040131	Nguyễn Văn	Huyền	01/02/1995	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1475	1321040159	Ngô Thị Ngọc	Loan	30/05/1995	Quảng Ninh	2.65	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1476	1321040522	Vũ Văn	Long	15/01/1995	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1477	1321040163	Trần Sơn	Long	05/03/1995	Quảng Ninh	2.68	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1478	1321040527	Đào Thị Ngọc	Mai	11/01/1995	Hưng Yên	2.76	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1479	1321040195	Vũ Thị	Nguyện	26/08/1995	Thanh Hóa	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1480	1321040201	Phạm Thị	Oanh	25/03/1994	Quảng Ninh	3.01	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1481	1321040209	Nguyễn Thị Minh	Phương	29/11/1995	Quảng Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1482	1321040211	Phạm Thị	Phương	12/08/1995	Quảng Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1483	1321040240	Mai Ngọc	Tâm	04/01/1995	Nam Định	3.04	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1484	1321040252	Phạm Phương	Thanh	08/06/1994	Quảng Ninh	2.80	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1485	1321040302	Vũ Nhật	Trang	01/09/1995	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1486	1321040296	Đoàn Thị	Trang	09/03/1995	Thái Bình	3.00	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1487	1321040298	Lê Thị Hà	Trang	20/12/1995	Thanh Hóa	2.89	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1488	1321040321	Bùi Tiến	Tùng	01/11/1995	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1489	1321040616	Vũ Thùy	Xuân	04/02/1994	Quảng Ninh	3.37	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1490	1321040335	Bùi Thị Phương	Yến	08/02/1995	Thái Bình	2.84	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2
1491	1321040336	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/01/1995	Quảng Ninh	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK58_2

1492	1221080009	Đinh Văn	Chiến	03/10/1994	Hà Bắc	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS57
1493	1321080002	Lê Tuấn	Anh	24/06/1995	Hà Tây	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1494	1321040424	Nguyễn Bảo	Châu	12/08/1995	Hà Nội	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1495	1321080011	Nguyễn Kim	Cường	30/07/1995	Hưng Yên	2.76	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1496	1321020480	Trần Quang	Đạt	18/09/1995	Hà Nội	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1497	1321080425	Lê Thúy	Đạt	03/04/1995	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1498	1321080426	Nguyễn Thế	Đề	23/04/1995	Nghệ An	3.03	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1499	1321080018	Đậu Minh	Đức	18/04/1995	Thái Nguyên	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1500	1321080019	Nguyễn Văn	Đức	18/08/1995	Nghệ An	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1501	1321020059	Trần Thị Thùy	Dương	31/10/1994	Lào Cai	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1502	1321080022	Đỗ Thị	Hải	01/09/1995	Ninh Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1503	1321080027	Trần Thị	Hằng	16/10/1995	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1504	1321080025	Nguyễn Thúy	Hạnh	10/07/1995	Bắc Ninh	3.00	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1505	1321080435	Trịnh Thị	Hạnh	16/02/1995	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1506	1321080031	Trần Trung	Hiếu	16/09/1995	Hà Nội	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1507	1321080033	Chu Thị Thanh	Hoa	12/10/1995	Quảng Ninh	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1508	1321080448	Phan Huy	Hoàng	03/08/1995	Quảng Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1509	1321080459	Nguyễn Văn	Hưng	04/06/1994	Hải Phòng	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1510	1321080045	Ngô Quỳnh	Hương	02/07/1995	Hải Phòng	2.93	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1511	1321080040	Vũ Ngọc	Huy	30/06/1995	Vĩnh Phúc	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1512	1321080041	Lê Thị	Huyền	14/08/1995	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1513	1321080042	Lê Thị	Huyền	19/05/1995	Bắc Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1514	1321080043	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	11/10/1995	LB Nga	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1

1515	1321080048	Vũ Ngọc	Khôi	12/10/1995	Nam Định	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1516	1321080052	Nguyễn Thị Khánh	Linh	12/09/1995	Thái Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1517	1321080051	Nguyễn Thị	Linh	09/05/1995	Thanh Hóa	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1518	1321080055	Vũ Hoa	Linh	15/01/1995	Hà Nội	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1519	1321080054	Nguyễn Vân	Linh	26/04/1995	Nam Định	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1520	1321050126	Lưu Thị	Mai	24/06/1995	Thái Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1521	1321080479	Trần Thị Trà	Mi	27/11/1995	Hải Dương	3.49	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1522	1321080061	Hoàng Thị	Mong	10/01/1995	Nam Định	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1523	1321080485	Mai Thị Thúy	Ngân	17/08/1995	Thanh Hóa	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1524	1321080070	Ngô Thị Hồng	Nhung	03/11/1995	Thái Bình	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1525	1321080076	Nguyễn Thị Minh	Phương	20/04/1995	Thanh Hóa	3.26	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1526	1321080072	Đới Thị	Phương	17/08/1995	Nam Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1527	1321080077	Trần Thị Minh	Phương	13/09/1995	Vĩnh Phú	2.96	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1528	1321080498	Đinh Xuân	Quang	10/01/1995	Hà Nội	2.86	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1529	1321080082	Lê Thị	Quỳnh	06/12/1995	Thanh Hóa	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1530	1321080120	Chang A	Sơ	01/09/1992	Lai Châu	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1531	1321080084	Vũ Thị	Suốt	28/08/1995	Nam Định	3.11	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1532	1321080090	Hoàng Thị	Thảo	28/06/1995	Thanh Hóa	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1533	1321080516	Lê Minh	Thu	03/03/1995	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1534	1321080100	Trần Thị	Thúy	03/04/1995	Hưng Yên	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1535	1321080519	Đoàn Thị Thanh	Thúy	10/10/1995	#N/A	3.09	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1536	1321080094	Nguyễn Thị	Thủy	26/10/1995	Thái Bình	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1537	1321080108	Trần Thị Thu	Trang	07/07/1994	Thái Bình	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1

1538	1321080523	Lê Thùy	Trang	04/12/1995	Phú Thọ	3.41	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1539	1321040307	Lưu Quang	Trung	30/06/1995	Lào Cai	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1540	1321080535	Nguyễn Kim	Trường	21/01/1993	Bắc Ninh	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1541	1321080111	Nguyễn Quốc	Tuấn	05/01/1995	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1542	1321080113	Nguyễn Thị	Tuyết	16/11/1995	Quảng Ninh	3.07	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_1
1543	1321080023	Nguyễn Đức	Hải	07/02/1995	Bắc Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và công nghệ môi trường	DCMTDS58_2
1544	1221080146	Nông Quốc	Thắng	23/10/1994	Hưng Yên	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT57
1545	1321080409	Đinh Thị	Châm	30/03/1995	Thái Bình	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1546	1321080412	Nguyễn Đình	Cường	25/09/1995	Quảng Ninh	2.70	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1547	1321080046	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19/09/1995	Quảng Ninh	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1548	1321080062	Vũ Thị	Mơ	27/09/1995	Hải Phòng	2.80	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1549	1321080066	Trần Đức	Nghiệp	16/06/1993	Hà Tây	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1550	1321080067	Nguyễn Thị	Ngọc	07/03/1995	Thanh Hóa	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1551	1321080505	Nguyễn Đăng	Sơn	08/04/1994	Hải Phòng	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1552	1321080511	Phạm Phương	Thảo	30/08/1995	Quảng Ninh	2.87	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1553	1321080110	Nguyễn Hoàng	Tuấn	15/08/1994	Hà Nội	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_1
1554	1321080109	Bế Anh	Tuấn	01/06/1995	Lạng Sơn	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1555	1321080401	Bùi Thị Trang	Anh	04/12/1995	Hải Phòng	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1556	1321080007	Lương Thị	Chào	09/01/1995	Vĩnh Phúc	3.18	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1557	1321080012	Phan Đức	Dân	29/08/1994	Hải Phòng	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1558	1321080017	Phạm Bá	Đinh	02/08/1995	Vĩnh Phúc	2.56	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1559	1321080016	Vũ Thị Tiến	Duân	06/09/1995	Thái Bình	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1560	1321050488	Nguyễn Công	Đức	13/02/1995	Vĩnh Phúc	2.77	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2

1561	1321080416	Trịnh Thị	Dung	08/08/1995	Thanh Hóa	2.99	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1562	1321080414	Đào Thị Thùy	Dung	21/10/1995	Nam Định	3.14	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1563	1321080418	Nguyễn Hoàng	Dũng	05/09/1994	Ninh Bình	3.14	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1564	1321030474	Ngô Tuấn	Dũng	11/05/1995	Hà Nội	3.19	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1565	1321080020	Đặng Thị	Gấm	14/11/1995	Ninh Bình	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1566	1321020508	Đào Thị Thu	Hà	29/05/1995	Hà Bắc	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1567	1321080431	Đào Thị	Hà	21/04/1995	Hải Hưng	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1568	1321080024	Phạm Thị	Hải	17/10/1994	Hà Bắc	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1569	1321080437	Hoàng Thị	Hân	26/08/1994	Hưng Yên	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1570	1321080438	Hoàng Thị	Hiên	22/09/1995	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1571	1321080029	Lê Thị Thu	Hiền	21/03/1995	Hà Tây	2.78	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1572	1321080028	Lê Thị	Hiền	28/05/1995	Nam Định	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1573	1321080032	Hoàng Thị	Hình	25/09/1995	Hòa Bình	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1574	1321080446	Đào Thị	Hoa	01/10/1995	Nam Định	3.05	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1575	1321080445	Đàm Thị	Hoa	29/04/1995	Nghệ An	3.05	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1576	1321080035	Bùi Thị Thu	Hồng	07/07/1995	Quảng Ninh	3.09	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1577	1321080036	Vũ Bích	Hồng	07/05/1995	Quảng Ninh	2.54	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1578	1321080039	Vũ Văn	Hùng	22/04/1995	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1579	1321080044	Đỗ Thị	Hương	29/09/1994	Hà Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1580	1321080449	Trần Quang	Huy	02/08/1994	Hải Dương	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1581	1321080452	Lê Thị	Huyền	10/10/1995	Thanh Hóa	3.08	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1582	1321080455	Trần Thanh	Huyền	16/08/1995	Lào Cai	2.85	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1583	1321080047	Hoàng Cao	Khải	18/11/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2

1584	1321080463	Nguyễn Thị	Khuyên	05/05/1995	Nam Định	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1585	1321080464	Vũ Đình	Kiên	22/04/1995	Nam Định	2.84	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1586	1321080465	Nguyễn Thị	Lan	01/09/1995	Thái Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1587	1321080466	Vũ Thị	Lan	15/12/1994	Nghệ An	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1588	1321080467	Lưu Thị Hồng	Liên	26/01/1995	Hà Nội	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1589	1321080469	Lê Thị	Liễu	20/11/1995	Hưng Yên	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1590	1321050119	Vũ Bá Trường	Linh	20/07/1995	Hà Nội	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1591	1321080053	Nguyễn Thị Mai	Linh	27/08/1995	Nghệ An	3.01	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1592	1321080050	Nguyễn Diệu	Linh	01/11/1995	Vĩnh Phúc	3.15	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1593	1321080058	Nguyễn Thị	Lương	15/10/1995	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1594	1321080059	Đào Thị	May	20/07/1995	Hưng Yên	3.10	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1595	1321080060	Lê Thị Anh	Minh	07/11/1995	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1596	1321080481	Đỗ Trà	My	08/04/1995	Nam Hà	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1597	1321080483	Vũ Thị	Na	14/02/1995	Nam Định	2.96	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1598	1321080063	Đỗ Thị	Nga	21/08/1994	Vĩnh Phúc	2.89	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1599	1321080065	Phạm Trọng	Nghĩa	15/02/1995	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1600	1321080068	Trần Nguyễn Khánh	Ngọc	02/09/1995	Hà Tĩnh	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1601	1321080073	Hoàng Thị Hà	Phương	21/07/1995	Hải Phòng	2.98	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1602	1321080079	Phạm Thị	Phượng	24/11/1995	Nghệ An	2.97	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1603	1321080507	Đào Thị Thanh	Tâm	27/12/1994	Hà Tây	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1604	1321080092	Lê Duy	Thắng	15/06/1995	Thanh Hóa	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1605	1321080088	Kiều Tiến	Thành	26/10/1995	Phú Thọ	3.04	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1606	1321080093	Nguyễn Văn	Thiện	16/08/1995	Hà Tĩnh	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2

1607	1321080521	Nguyễn Thị	Tính	24/01/1995	Thanh Hóa	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1608	1321080522	Đoàn Thị	Trang	15/06/1994	Nam Định	2.71	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1609	1321080528	Vũ Thảo	Trang	19/02/1995	Bắc Giang	2.69	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1610	1321080103	Bùi Thị Mai	Trang	05/05/1995	Hải Hưng	3.13	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1611	1321030896	Đậu Thị Hải	Trang	21/09/1995	Nghệ An	2.97	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1612	1321080105	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/01/1995	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1613	1321080533	Đinh Văn	Trung	10/04/1995	Hà Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1614	1321080536	Đỗ Anh	Tú	21/12/1995	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1615	1321080541	Phạm Minh	Tuấn	13/05/1995	Ninh Bình	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1616	1321080114	Nguyễn Thị	Tươi	24/02/1995	Hà Tây	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1617	1321080543	Phùng Thị	Tuyến	26/05/1995	Hà Tây	2.79	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1618	1321080545	Nguyễn Thị Hải	Vân	18/10/1995	Nam Hà	2.83	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1619	1321080117	Nguyễn Thị	Xoa	19/02/1995	Hải Hưng	3.07	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1620	1321080546	Nguyễn Thị	Xuyên	28/08/1995	Thái Bình	2.91	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1621	1321080118	Nguyễn Thị	Xuyến	11/06/1995	Hưng Yên	2.95	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	DCMTKT58_2
1622	1421030555	Đoàn Xuân	Thắng	08/12/1996	Hà Nam	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAV59_2
1623	1321030009	Phan Thế	Anh	17/10/1995	Bắc Ninh	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1624	1321030015	Vũ Thị Ngọc	ánh	10/12/1994	Phú Thọ	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1625	1321030019	Nguyễn Thị	Bình	18/11/1995	Thái Bình	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1626	1321030024	Đậu Mạnh	Cường	17/11/1995	Nghệ An	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1627	1321030493	Nguyễn Ngọc	Đại	04/09/1994	Bắc Giang	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1628	1321030037	Nguyễn Văn	Dương	17/06/1995	Ninh Bình	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1629	1321030052	Đỗ Linh	Giang	19/09/1995	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2

1630	1321030053	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/08/1995	Phú Thọ	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1631	1321030541	Nguyễn Sỹ	Hải	05/10/1995	Hà Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1632	1321030548	Phạm Thị Minh	Hải	17/05/1995	Nghệ An	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1633	1321030998	Nguyễn Hoàng	Hải	03/11/1995	Hà Nội	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1634	1321030070	Nguyễn Thị	Hằng	28/10/1995	Hà Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1635	1321030094	Phạm Mạnh	Hùng	01/11/1995	Hòa Bình	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1636	1321030092	Nguyễn Văn	Hùng	24/10/1995	Thái Bình	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1637	1321030096	Trương Mạnh	Hùng	09/08/1994	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1638	1321030641	Lưu Thị Thu	Hương	12/06/1994	Nam Định	3.17	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1639	1321030097	Nguyễn Đăng Quang	Huy	17/09/1995	Hà Tây	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1640	1321030099	Nguyễn Văn	Huy	14/05/1995	Hưng Yên	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1641	1321030100	Trần Thị	Huyền	11/03/1995	Nam Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1642	1321030110	Tạ Duy	Khánh	22/04/1994	Phú Thọ	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1643	1321030675	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	22/04/1995	Thừa Thiên Huế	3.07	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1644	1321030148	Vũ Đức	Mạnh	09/12/1995	Nam Định	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1645	1321030150	Chu Hoàng	Minh	21/09/1993	Hà Nội	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1646	1321030769	Lê Văn	Ninh	09/03/1995	Thanh Hóa	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1647	1321030787	Phạm Văn	Phương	04/01/1994	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1648	1321030234	Nguyễn Văn	Tiến	25/12/1993	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1649	1321030900	Lưu Thị Huyền	Trang	20/04/1995	Hà Tây	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1650	1321030245	Nguyễn Đình	Trung	29/04/1995	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1651	1321030247	Nguyễn Anh	Tú	09/06/1995	Nghệ An	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1652	1321030942	Mai Anh	Tuấn	25/10/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2

1653	1321030949	Nguyễn Văn	Tuấn	07/07/1995	Vĩnh Phúc	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1654	1321030265	Lưu Thiện Tiến	Vinh	19/05/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý	DCTDAVG58_2
1655	1321040426	Nguyễn Đức	Chiến	06/12/1994	Hà Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1656	1321030497	Dương Thành	Đạt	12/02/1995	Thái Nguyên	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1657	1321030045	Hà Thanh	Điệp	08/10/1994	Bắc Giang	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1658	1321030475	Nguyễn Tiến	Dũng	11/03/1995	Vĩnh Phú	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1659	1321030529	Đào Đức	Hà	03/01/1994	Bắc Ninh	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1660	1321030536	Trịnh Thị	Hà	24/07/1995	Thanh Hóa	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1661	1321030542	Nguyễn Thanh	Hải	26/11/1995	Hải Dương	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1662	1321030556	Vương Đức	Hào	15/02/1995	Bắc Ninh	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1663	1321020094	Bùi Doãn	Hiến	23/10/1995	Hà Tây	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1664	1321030644	Trần Thị Thu	Hường	15/04/1995	Hà Tĩnh	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1665	1321030688	Vũ Thị Bích	Loan	15/10/1995	Bắc Ninh	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1666	1321030134	Nguyễn Gia	Lộc	19/02/1994	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1667	1321030142	Vũ Thị Ngọc	Mai	10/08/1995	Thanh Hóa	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1668	1321030146	Nguyễn Văn	Mạnh	10/04/1995	Hải Dương	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1669	1321030723	Phạm Xuân	Minh	09/05/1994	Hải Dương	2.50	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1670	1321030731	Lê Văn	Nam	27/10/1994	Thanh Hóa	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1671	1321030160	Lê Thị	Nga	15/08/1995	Thanh Hóa	3.33	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1672	1321030163	Trần Thị	Ngát	15/08/1995	Thái Bình	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1673	1321030168	Đào Thiện	Nguyên	17/07/1995	Thanh Hóa	2.54	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1674	1321030186	Trương Văn	Quang	25/11/1995	Hà Tây	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1675	1321030829	Nguyễn Thành	Thái	16/11/1995	Ninh Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2

1676	1321030208	Lê Thị Ngọc	Thành	07/10/1995	Thanh Hóa	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1677	1321030216	Vũ Văn	Thiện	15/02/1995	Hà Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1678	1321030871	Bùi Thị	Thơ	01/06/1994	Bắc Ninh	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1679	1321030866	Lê Ngọc	Thỏa	01/10/1993	Bắc Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1680	1321030227	Mạc Văn	Thuần	13/01/1995	Hải Dương	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1681	1321030236	Đỗ Mạnh	Toàn	16/04/1994	Hải Phòng	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1682	1321030267	Lê Hải	Yến	22/11/1995	Thanh Hóa	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD58_2
1683	0921030168	Lê Thị Anh	Đào	12/12/1991	Ninh Bình	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC54
1684	1021030418	Trần Xuân	Huy	29/09/1992	Hà Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC55
1685	1221020138	Nguyễn Văn	Thành	25/12/1994	Hưng Yên	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
1686	1321030425	Ngô Đức	Bảo	01/09/1995	Quảng Bình	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1687	1321030427	Nguyễn Tuấn	Bảo	17/12/1994	Hà Nội	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1688	1321030430	Nguyễn Thị	Bích	03/01/1994	Vĩnh Phú	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1689	1321030021	Phạm Quang	Chiến	10/06/1995	Hải Dương	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1690	1321030494	Tạ Thị Kim	Đan	01/09/1995	Hà Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1691	1321030050	Vi Triệu	Đức	01/07/1995	Lạng Sơn	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1692	1321030526	Nguyễn Trọng	Giáp	28/01/1995	Vĩnh Phú	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1693	1321030061	Vũ Thị Thu	Hà	01/08/1994	Thái Bình	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1694	1321030533	Nguyễn Thị	Hà	23/10/1994	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1695	1321030568	Nguyễn Thế	Hiển	10/10/1994	Hà Tây	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1696	1321030582	Nguyễn Thị	Hoa	10/07/1994	Hà Nội	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1697	1321030588	Trần Thị	Hoài	02/06/1995	Thanh Hóa	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1698	1321030630	Phạm Thị Thu	Huyền	05/08/1995	Ninh Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1

1699	1321030112	Nguyễn Đình	Khuyến	28/01/1995	Hải Dương	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1700	1321030133	Nguyễn Doãn	Lộc	12/09/1995	Bắc Ninh	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1701	1321030140	Ngô Thị	Mai	02/08/1995	Nam Định	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1702	1321030739	Nguyễn Thị	Nga	23/10/1995	Thái Bình	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1703	1321030743	Lê Thị	Ngân	27/08/1995	Thanh Hóa	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1704	1321030171	Nguyễn Thị	Như	28/10/1995	Nam Định	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1705	1321030768	Nguyễn Tín	Nhưỡng	19/10/1995	Hà Nội	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1706	1321030177	Nguyễn Công	Phong	07/06/1995	Hà Nội	3.34	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1707	1321030184	Vũ Thị	Phượng	29/05/1995	Quảng Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1708	1321030204	Đoàn Ngọc	Thanh	21/08/1995	Nam Định	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1709	1321030849	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15/01/1995	Hà Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1710	1321030847	Lê Thị Hiền	Thảo	10/12/1994	Nghệ An	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1711	1321030861	Đỗ Thị	Thi	11/04/1995	Nam Định	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1712	1321030223	Tô Thị	Thu	24/06/1995	Thanh Hóa	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1713	1321030229	Trần Thị	Thúy	24/04/1994	Nam Định	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1714	1321030901	Nghiêm Thị	Trang	17/11/1994	Bắc Giang	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1715	1321030902	Nguyễn Kiều	Trang	23/06/1995	Hà Nội	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1716	1321030945	Nguyễn Anh	Tuấn	03/06/1995	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1717	1321030958	Đặng Văn	Tùng	08/12/1995	Hà Tây	3.27	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1718	1321030993	Vũ Đình	Vương	17/10/1994	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1719	1321030268	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/08/1995	Hà Nội	3.12	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
1720	1321030404	Hoàng Kim	Anh	20/11/1995	Hà Nội	3.23	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1721	1321030012	Trần Tuấn	Anh	29/12/1995	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2

1722	1321030409	Mai Thị Ngọc	Anh	28/06/1995	Hà Nội	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1723	1321020475	Đỗ Thành	Đạt	20/03/1995	Hòa Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1724	1321030505	Doãn Đức	Điệp	14/03/1995	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1725	1321030513	Nguyễn Thị	Độ	10/05/1995	Hà Nội	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1726	1321030051	Dương Thị	Giang	18/09/1994	Hưng Yên	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1727	1321030060	Nguyễn Thị	Hà	27/07/1995	Bắc Giang	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1728	1321030539	Đinh Thị Thu	Hải	28/02/1995	Nam Định	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1729	1321030071	Nguyễn Thị	Hằng	27/04/1995	Hải Dương	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1730	1321030583	Nguyễn Thị	Hoa	31/03/1995	Phú Thọ	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1731	1321030081	Lê Việt	Hòa	06/11/1995	Hải Hưng	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1732	1321030594	Nguyễn Đức	Hoàng	29/10/1995	Thái Bình	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1733	1321030599	Trần Xuân	Hồi	07/05/1995	Thái Bình	3.12	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1734	1321030102	Mai Thị	Hương	27/08/1995	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1735	1321030120	Lê Mỹ	Linh	03/09/1995	Thái Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1736	1321030683	Nguyễn Thị	Linh	07/01/1995	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1737	1321030119	Lại Thị	Linh	12/02/1995	Thanh Hóa	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1738	1321030999	Bùi Thị Hoài	Linh	05/10/1995	Hà Nội	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1739	1321030139	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/11/1995	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1740	1321030141	Trần Thị Ngọc	Mai	10/09/1995	Hà Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1741	1321030712	Nguyễn Tiến	Mạnh	01/07/1995	Hưng Yên	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1742	1321060196	Nguyễn Hoài	Nam	07/08/1994	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1743	1321031001	Đỗ Thanh	Nga	22/12/1995	Hà Nội	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1744	1321030745	Trần Thúy	Ngân	08/12/1995	Hà Giang	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2

1745	1321030753	Trần Thị	Ngọc	11/10/1995	Nam Đinh	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1746	1321030183	Lưu Hồng	Phượng	16/03/1995	Vĩnh Phú	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1747	1321020181	Bùi Ngọc	Sơn	28/01/1995	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1748	1321030831	Lê Gia	Thanh	12/02/1994	Hà Tây	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1749	1321030205	Nguyễn Thị	Thanh	08/06/1995	Thanh Hóa	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1750	1321030834	Tạ Văn	Thanh	04/12/1995	Hà Nội	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1751	1321030212	Trịnh Quang	Thành	07/11/1992	Thanh Hóa	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1752	1321030843	Bùi Thị	Thảo	11/06/1995	Nam Định	3.21	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1753	1321030848	Nguyễn Phương	Thảo	07/01/1995	Hà Nội	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1754	1321030224	Trần Thị	Thu	22/10/1994	Nam Định	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1755	1321030876	Trần Thị Thanh	Thùy	21/02/1995	Hà Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1756	1321030887	Đỗ Quyết	Tiến	29/10/1995	Thái Bình	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1757	1321030943	Ngô Anh	Tuấn	22/04/1995	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1758	1321030261	Hoàng Mạnh	Tùng	19/10/1994	Tuyên Quang	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_2
1759	1021030220	Nguyễn Trọng	Trường	16/10/1992	Thái Bình	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Hệ thông tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI55
1760	1021030435	Lại Ngọc	Tuấn	13/05/1992	Thái Bình	2.08	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
1761	1021030252	Bùi Văn	Vũ	12/08/1992	Thanh Hóa	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55A
1762	1321030001	Nguyễn Chung	An	08/08/1995	Hà Nội	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1763	1321030025	Lê Xuân	Cường	11/09/1994	Phú Thọ	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1764	1321030026	Nguyễn Thị	Diễn	15/02/1995	Thanh Hóa	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1765	1321030528	Dương Thị	Hà	17/07/1995	Ninh Bình	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1766	1321030563	Phùng Đình	Hậu	18/01/1995	Vĩnh Phúc	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1767	1321030083	Nguyễn Thị	Hòa	18/05/1995	Nam Hà	2.89	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1

1768	1321030593	Bùi Khánh	Hoàng	16/07/1994	Thái Bình	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1769	1321030089	Nguyễn Thị	Hồng	24/02/1995	Nam Hà	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1770	1321030632	Tạ Thị	Huyền	19/03/1995	Hà Tây	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1771	1321030105	Nguyễn Văn	Khải	28/09/1995	Bắc Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1772	1321030115	Lại Thị	Lanh	15/12/1995	Thanh Hóa	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1773	1321030672	Bùi Thị Mĩ	Lệ	28/07/1995	Vĩnh Phú	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1774	1321030677	Trần Thị Phương	Liên	01/08/1995	Nam Định	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1775	1321030122	Lưu Đức	Linh	25/09/1995	Hải Dương	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1776	1321030709	Lê Trọng	Mạnh	28/06/1995	Thanh Hóa	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1777	1321030145	Lê Văn	Mạnh	06/09/1995	Bắc Ninh	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1778	1321030162	Trần Thị Nguyệt	Nga	10/04/1995	Ninh Bình	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1779	1321030170	Hoàng Thị	Nhi	28/11/1995	Thanh Hóa	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1780	1321030760	Nguyễn Thị Hà	Nhi	11/04/1995	Hải Dương	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1781	1321030180	Nguyễn Thị	Phương	10/09/1995	Quảng Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1782	1321030853	Nguyễn Chiến	Thắng	07/11/1995	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1783	1321030839	Trần Hoàng	Thành	29/12/1995	Hà Tây	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1784	1321030845	Đỗ Thị	Thảo	08/01/1995	Nam Định	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1785	1321030219	Giang Thị	Thoa	25/12/1995	Thái Nguyên	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1786	1321030872	Đỗ Thị	Thơm	21/10/1995	Nam Hà	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1787	1321030222	Nguyễn Thị	Thu	02/08/1994	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1788	1321030897	Hoàng Thị Minh	Trang	02/05/1995	Bắc Giang	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1789	1321030996	Lê Thị	Yến	15/05/1995	Thanh Hóa	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_1
1790	1321030401	Bùi Đức	Anh	15/11/1994	Hải Phòng	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2

1791	1321030040	Phạm Văn	Đảng	28/02/1994	0	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1792	1321030064	Nguyễn Quang	Hải	27/09/1995	Thái Bình	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1793	1321030072	Nguyễn Thị	Hằng	05/06/1995	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1794	1321030069	Nguyễn Thị	Hằng	10/02/1995	Hà Nội	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1795	1321030066	Trần Hùng	Hào	10/12/1995	Vĩnh Phúc	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1796	1321030759	Nguyễn Huy	Nhật	15/06/1991	Hà Tĩnh	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1797	1321030763	Nguyễn Thị	Nhung	16/09/1994	Thanh Hóa	2.87	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1798	1321030203	Phùng Hữu	Thái	20/03/1995	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1799	1321030883	Nguyễn Duy	Thương	20/05/1995	Ninh Bình	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1800	1321030928	Đặng Bảo	Tú	17/11/1995	Ninh Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1801	1321030256	Trần Quang	Tuấn	13/11/1995	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1802	1321030266	Bùi Thị	Xuân	09/11/1995	Hải Phòng	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_2
1803	1321030406	Lê Tuấn	Anh	30/06/1995	Vĩnh Phú	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1804	1321030005	Mạc Quế	Anh	30/08/1995	Thái Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1805	1321030410	Nghiêm Thị Lan	Anh	10/02/1995	Thanh Hóa	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1806	1321030014	Phạm Xuân	ánh	10/10/1995	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1807	1321030017	Hoàng Văn	Bảo	14/05/1993	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1808	1321030445	Trịnh Ngọc	Chất	04/10/1995	Thanh Hóa	3.01	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1809	1321030269	Mai Quý	Cường	03/03/1995	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1810	1321030039	Nguyễn Quang	Đại	14/07/1995	Thanh Hóa	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1811	1321030027	Vương Khả	Diệu	20/01/1995	Hà Tĩnh	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1812	1321030028	Giáp Trọng	Doanh	13/01/1995	Hà Bắc	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1813	1321030048	Nguyễn Quang	Đông	26/10/1994	Hà Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3

1814	1321030517	Đoàn Văn	Đồng	14/02/1995	Nghệ An	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1815	1321030056	Nguyễn Văn	Giáp	18/09/1995	Thái Bình	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1816	1321030551	Phạm Văn	Hải	02/04/1994	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1817	1321030065	Trần Hữu	Hải	30/05/1995	Thái Bình	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1818	1321030547	Phạm Thanh	Hải	06/07/1995	Thanh Hóa	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1819	1321030062	Lưu Văn	Hải	30/06/1994	Thái Bình	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1820	1321030546	Phạm Phùng Hoàng	Hải	13/08/1995	Hà Nội	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1821	1321030554	Lưu Công	Hạnh	08/10/1995	Nam Định	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1822	1321030555	Trương Thị	Hạnh	21/03/1995	Thái Bình	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1823	1321030564	Hà Duy	Hiền	15/05/1995	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1824	1321030570	Dương Đức	Hiệp	21/01/1994	Quảng Ninh	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1825	1321030571	Nguyễn Đức	Hiệp	15/10/1995	Hà Tây	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1826	1321030077	Nguyễn Minh	Hiếu	01/06/1995	Nghệ An	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1827	1321030581	Trần Công	Hiệu	22/11/1995	Hưng Yên	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1828	1321030082	Lê Xuân	Hòa	22/01/1995	Thái Bình	2.52	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1829	1321030589	An Văn	Hoan	21/02/1994	Hưng Yên	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1830	1321030597	Phạm Hiếu	Học	08/09/1995	Bắc Giang	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1831	1321030088	Đoàn Thị Thúy	Hồng	03/09/1995	Nam Hà	3.13	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1832	1321030091	Vũ Thị	Huệ	10/10/1995	Nam Định	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1833	1321030609	Nguyễn Tiến	Hùng	04/06/1994	Hà Nội	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1834	1321030611	Nguyễn Viết	Hùng	16/07/1994	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1835	1321030637	Nguyễn Thái	Hưng	20/03/1995	Hà Nội	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1836	1321030104	Cao Ngọc	Hường	10/02/1994	Hưng Yên	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3

1837	1321030628	Võ Văn	Huy	29/01/1995	Nghệ An	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1838	1321030101	Đoàn Văn	Huỳnh	26/05/1994	Hải Dương	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1839	1321030106	Nguyễn Văn	Khang	06/04/1995	Nam Định	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1840	1321030109	Nguyễn Ngọc	Khánh	10/10/1995	Bắc Ninh	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1841	1321030650	Nguyễn Văn	Khánh	20/08/1994	Thanh Hóa	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1842	1321030660	Phạm Hồng	Khương	10/10/1995	Hải Dương	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1843	1321030661	Hà Văn	Kiểm	17/09/1995	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1844	1321030113	Đỗ Trung	Kiên	03/03/1995	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1845	1321030662	Đỗ Trung	Kiên	29/01/1995	Bắc Thái	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1846	1321030664	Lê Trung	Kiên	22/12/1994	Nghệ An	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1847	1321030671	Trần Quốc	Lập	20/11/1995	Nam Đinh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1848	1321030679	Trần Văn	Liệu	28/08/1994	Ninh Bình	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1849	1321030681	Ngô Thị Thùy	Linh	19/07/1995	Hà Nội	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1850	1321030128	Nguyễn Hữu	Long	10/02/1995	Hà Nội	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1851	1321030135	Đàm Văn	Luân	31/10/1995	Hải Phòng	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1852	1321030147	Trần Văn	Mạnh	11/01/1994	Nghệ An	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1853	1321030143	Hà Văn	Mạnh	11/01/1995	Vĩnh Phú	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1854	1321030720	Nguyễn Quang	Minh	01/06/1994	Hà Nội	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1855	1321030719	Ngọ Đình	Minh	14/02/1995	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1856	1321030722	Phạm Thị Tuyết	Minh	24/02/1995	Hải Phòng	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1857	1321030154	Nguyễn Đức	Nam	11/12/1994	Hà Nội	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1858	1321030155	Nguyễn Văn	Nam	15/05/1994	Hà Tĩnh	2.51	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1859	1321030749	Lê Như	Ngọc	20/07/1994	Thanh Hóa	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3

1860	1321030167	Trần Quốc	Ngọc	15/03/1995	Thái Bình	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1861	1321030755	Trần Công	Nguyên	27/04/1995	Nam Định	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1862	1321030178	Trần Ngọc	Phố	15/03/1995	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1863	1321030775	Phan Thanh	Phong	19/12/1995	Vĩnh Phúc	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1864	1321030794	Đào Văn	Quân	05/01/1994	Bắc Giang	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1865	1321030792	Phạm Minh	Quang	03/02/1995	Thái Bình	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1866	1321030190	Nguyễn Tất	Quý	10/02/1994	Nghệ An	2.92	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1867	1321030801	Vũ Văn	Quý	11/12/1992	Hải Phòng	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1868	1321030803	Trần Đình	Quyền	29/10/1993	Hà Tĩnh	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1869	1321030804	Lưu Bá	Quyết	11/03/1995	Thái Bình	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1870	1321030192	Nguyễn Văn	Sáng	18/10/1995	Ninh Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1871	1321030813	Nguyễn Thanh	Sơn	04/07/1995	Vĩnh Phúc	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1872	1321030814	Nguyễn Công	Sự	10/04/1995	Nam Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1873	1321030817	Phạm Tiến	Sỹ	03/05/1994	Hòa Bình	2.77	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1874	1321030816	Đinh Văn	Sỹ	02/03/1995	Ninh Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1875	1321030198	Nguyễn Văn	Tài	01/11/1995	Hà Tây	2.88	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1876	1321030820	Phạm Văn	Tài	22/04/1995	Ninh Bình	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1877	1321030211	Phạm Trọng	Thành	06/04/1995	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1878	1321030213	Lê Thị Phương	Thảo	08/11/1995	Thanh Hóa	2.74	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1879	1321030218	Nguyễn Đức	Thịnh	12/04/1995	Thái Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1880	1321030868	Nguyễn Duy	Thông	03/12/1995	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1881	1321030231	Phạm Đình	Tiệm	14/10/1995	Nam Hà	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1882	1321030891	Phùng Duy	Tiến	06/05/1994	Hà Nội	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3

1883	1321030232	Đỗ Văn	Tiến	26/02/1994	Hà Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1884	1321030238	Bùi Văn	Toản	28/01/1995	Hà Tây	2.70	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1885	1321030908	Đặng Văn	Trình	27/01/1995	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1886	1321030922	Hoàng Quang	Trường	04/09/1995	Hà Tây	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1887	1321030924	Nguyễn Xuân	Trường	30/10/1994	Vĩnh Phú	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1888	1321030925	Thân Văn	Trường	23/10/1994	Hà Tĩnh	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1889	1321030248	Nguyễn Ngọc	Tú	26/02/1994	Hà Bắc	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1890	1321030258	Vũ Đăng	Tuấn	01/05/1995	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1891	1321030956	Vũ Mạnh	Tuấn	25/09/1994	Yên Bái	2.96	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1892	1321030253	Nguyễn Kim	Tuấn	19/08/1995	Bắc Ninh	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1893	1321030262	Hoàng Thanh	Tùng	04/04/1995	Thái Bình	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1894	1321030970	Nguyễn Văn	Tuyến	15/02/1995	Nam Đinh	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1895	1321030981	Chu Văn	Vinh	07/09/1995	Hà Tây	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1896	1321030984	Nguyễn Văn	Vinh	23/08/1995	Vĩnh Phúc	2.75	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1897	1321030987	Nguyễn Văn	Vũ	04/01/1995	Nghệ An	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_58_3
1898	1221030216	Hoàng Ngọc	Đạt	03/05/1994	Thái Bình	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57C
1899	1321030432	Đoàn Hải	Biên	10/08/1994	Nam Định	2.83	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1900	1321030044	Trịnh Tiến	Đạt	16/06/1995	Hà Tây	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1901	1321030507	Lê Văn	Định	13/03/1993	Hà Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1902	1321030512	Bùi Văn	Độ	08/12/1995	Nam Định	2.56	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1903	1321030055	Vũ Văn	Giang	03/12/1995	Quảng Ninh	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1904	1321030550	Phạm Văn	Hải	07/01/1995	Nam Định	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1905	1321030075	Dương Văn	Hiệp	19/05/1995	Nam Định	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1

1906	1321030606	Đỗ Đình	Hùng	06/08/1994	Thanh Hóa	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1907	1321030608	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/01/1993	Hải Dương	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1908	1321030639	Nguyễn Văn	Hưng	27/01/1994	Vĩnh Phúc	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1909	1321030704	Bùi Vũ	Lượng	22/10/1995	Nam Định	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1910	1321030757	Nguyễn Thành	Nhất	22/06/1994	Hưng Yên	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1911	1321030819	Mai Xuân	Tài	13/03/1994	Nam Hà	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1912	1321030840	Vũ Văn	Thành	15/09/1994	Thái Bình	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_1
1913	1321030004	Lê Thị Vân	Anh	30/01/1994	Hà Tây	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1914	1321030420	Trần Tuấn	Anh	29/10/1995	Nam Định	2.62	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1915	1321030521	Nguyễn Anh	Đức	09/04/1995	Nghệ An	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1916	1321030562	Hồ Khắc	Hậu	19/07/1995	Nghệ An	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1917	1321030074	Vũ Duy	Hiển	11/09/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1918	1321030087	Trần Văn	Hoạt	26/03/1995	Nam Định	2.65	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1919	1321030702	Đào Đình	Luyện	08/04/1994	Hà Tây	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1920	1321030807	Phạm Thị	Quỳnh	17/05/1995	Hải Dương	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1921	1321030242	Phạm Thị	Trang	10/10/1995	Thái Bình	3.04	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1922	1321030919	Viên Văn	Trung	22/01/1995	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mỏ và Công trình	DCTDTM58_2
1923	1221070079	Nguyễn Văn	Khuây	02/06/1994	Bắc Ninh	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC57
1924	1221070096	Nguyễn Văn	Luân	05/03/1993	Nam Định	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC57
1925	1321070005	Nguyễn Tú	Anh	20/01/1995	Hà Tây	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1926	1321070462	Tạ Minh	Đạt	05/02/1995	Hà Tĩnh	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1927	1321070041	Trần Hải	Dương	27/05/1995	Hà Tây	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1928	1321070499	Lê Công	Hiếu	10/02/1992	Thanh Hóa	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1

1929	1321070082	Nguyễn Ngọc	Huấn	04/01/1995	Hà Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1930	1321070530	Vũ Huy	Hùng	04/09/1995	Hà Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1931	1321070592	Nguyễn Bá	Minh	21/09/1994	Thanh Hóa	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1932	1321070595	Phan Đắc	Minh	12/12/1994	Hà Tĩnh	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1933	1321070607	Cao Văn	Năng	25/04/1995	Hà Nội	3.08	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1934	1321070139	Nguyễn Thị	Nhung	10/10/1995	Thanh Hóa	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1935	1321070643	Nguyễn Văn	Thái	14/12/1994	Nghệ An	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1936	1321070672	Nguyễn Văn Nhật	Tiến	01/01/1995	Hà Tĩnh	3.09	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1937	1321070709	Nguyễn Bá	Tuyên	20/10/1994	Hà Bắc	3.22	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1938	1321070208	Hoàng Văn	Tuyển	05/03/1994	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1939	1321070716	Đỗ Trọng	Việt	22/08/1994	Lạng Sơn	3.02	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_1
1940	1321070213	Nguyễn Thị	Yến	19/05/1994	Nghệ An	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1941	1321070400	Lường Kế	An	06/12/1995	Thanh Hóa	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1942	1321070002	Lê Tuấn	Anh	07/02/1992	Sơn La	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1943	1321070009	Vũ Thế	Bảy	16/04/1995	Nam Định	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1944	1321070018	Nguyễn Tiến	Chiến	25/12/1995	Nam Định	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1945	1321070426	Nguyễn Mạnh	Chiến	10/08/1995	Hà Nội	2.93	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1946	1321070429	Đỗ	Chung	05/08/1994	Hà Nội	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1947	1321070457	Giáp Duy	Đạt	01/04/1995	Bắc Giang	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1948	1321070458	Lê Tiến	Đạt	05/05/1995	Thanh Hóa	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1949	1321070044	Đặng Ngọc	Đạt	13/03/1995	Nam Định	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1950	1321070463	Trương Thành	Đạt	30/10/1995	Hà Nội	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1951	1321070050	Nguyễn Trí	Độ	27/07/1995	Hà Tây	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2

1952	1321070467	Đặng Trọng	Đoan	14/01/1993	Thanh Hóa	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1953	1321070469	Nguyễn Xuân	Đoán	12/09/1995	Nam Định	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1954	1321070441	Bùi Việt	Dũng	20/05/1995	Nam Định	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1955	1321070448	Nguyễn Văn	Duy	03/04/1995	Ninh Bình	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1956	1321070493	Hoàng Duy	Hân	23/10/1994	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1957	1321070066	Phạm Trọng	Hiệp	20/10/1995	Nam Hà	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1958	1321070072	Phạm Quang	Hiếu	24/04/1995	Hải Dương	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1959	1321070508	Lê Thạc	Hoan	10/03/1995	Nghệ An	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1960	1321070513	Nguyễn Huy	Hoàng	19/05/1995	Hà Tây	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1961	1321070521	Đinh Ngọc	Hùng	28/06/1995	Hải Phòng	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1962	1321070524	Lê Quang	Hùng	12/10/1995	Bắc Giang	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1963	1321070537	Lê Văn	Hưng	10/07/1995	Nghệ An	2.94	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1964	1321070094	Phạm Xuân	Hưng	29/03/1995	Nam Định	2.75	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1965	1321070534	Nguyễn Đắc	Huy	11/02/1995	Hà Nội	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1966	1321070090	Nguyễn Thế	Huỳnh	04/09/1995	Hưng Yên	2.77	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1967	1321070543	Hà Văn	Khánh	20/12/1994	Nghệ An	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1968	1321070105	Tô Bảo	Khuê	09/10/1994	Nghệ An	2.72	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1969	1321070549	Nguyễn Khắc	Khương	18/03/1994	Thanh Hóa	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1970	1321070562	Vũ Thanh	Lâm	28/03/1995	Thanh Hóa	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1971	1321070561	Thẩm Quang	Lâm	19/03/1995	Thái Nguyên	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1972	1321070563	Nguyễn Khắc	Lân	05/06/1995	Hải Dương	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1973	1321070570	Phan Văn	Lịnh	20/09/1995	Hà Tĩnh	2.57	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1974	1321070111	Đinh Bá	Long	07/09/1995	Hà Nội	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2

1975	1321070581	Phan Tuấn	Lực	22/06/1995	Hải Phòng	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1976	1321070580	Vũ Hải	Luyện	25/02/1995	Hà Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1977	1321070117	Nguyễn Ngọc	Mai	28/06/1995	Nam Định	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1978	1321070123	Phí Đức	Mạnh	28/08/1995	Hà Nội	2.79	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1979	1321070589	Phạm Đức	Mạnh	20/01/1995	Nam Định	2.50	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1980	1321070587	Lương Văn	Mạnh	28/02/1995	Thái Bình	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1981	1321070584	Dương Kim	Mạnh	15/06/1995	Hà Tĩnh	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1982	1321070124	Đàm Văn	Miện	07/03/1995	Ninh Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1983	1321070125	Đào Văn	Minh	27/11/1995	Hà Nội	2.69	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1984	1321070130	Hồ Huy	Nam	25/07/1995	Hà Tĩnh	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1985	1321070621	Nguyễn Tiến	Phúc	19/10/1995	Nam Định	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1986	1321070155	Nguyễn Văn	Quyền	08/11/1995	Thái Bình	2.79	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1987	1321020182	Nguyễn Minh	Sơn	21/08/1995	Quảng Ninh	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1988	1321070637	Dương Đức	Tâm	06/02/1995	Vĩnh Phú	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1989	1321070162	Nguyễn Gia	Tấn	05/01/1995	Hà Bắc	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1990	1321070165	Phạm Ngọc	Thạch	23/07/1995	Hà Tây	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1991	1321070167	Dương Văn	Thái	20/02/1995	Nam Hà	2.53	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1992	1321070642	Nguyễn Hồng	Thái	05/07/1995	Hà Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1993	1321070659	Nguyễn Xuân	Thắng	06/10/1994	Thái Bình	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1994	1321070653	Bùi Đức	Thắng	02/01/1995	Hà Nội	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1995	1321070654	Cao Văn	Thắng	08/02/1994	Ninh Bình	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1996	1321070662	Phạm Văn	Thịnh	22/10/1995	Vĩnh Phúc	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1997	1321070667	Dương Văn	Tiến	12/10/1994	Thanh Hoá	2.79	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2

1998	1321070677	Phạm Mạnh	Trí	16/06/1995	Thái Bình	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
1999	1321070684	Tống Văn	Trọng	21/05/1994	Thanh Hóa	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
2000	1321070198	Nguyễn Thành	Trung	22/01/1995	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
2001	1321070704	Đào Mạnh	Tùng	15/10/1994	Hải Phòng	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
2002	1321070209	Nguyễn Đức	Tường	21/04/1995	Thái Bình	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
2003	1321070211	Hồ Duy	Võ	05/08/1994	Hải Dương	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	DCXDDC58_2
2004	1321070004	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/10/1995	Lào Cai	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2005	1321070406	Lê Tuấn	Anh	01/03/1994	Bắc Ninh	2.97	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2006	1321070020	Ngô Minh	Công	22/10/1995	Lào Cai	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2007	1321070058	Phạm Quang	Giáp	19/09/1994	Quảng Ninh	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2008	1321070068	Ngô Trung	Hiếu	07/05/1995	Hà Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2009	1321070067	Lê Văn	Hiếu	06/04/1994	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2010	1321070085	Nguyễn Bá	Hùng	26/06/1995	Hà Tĩnh	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2011	1321070178	Đỗ Quyết	Thắng	10/10/1995	Quảng Ninh	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2012	1321070170	Mã Văn	Thanh	28/08/1995	Thanh Hóa	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2013	1321070652	Lê Thị Thu	Thảo	26/01/1995	Thanh Hóa	3.48	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2014	1321070182	Lương Hưng	Thịnh	28/10/1995	Hà Nội	2.74	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2015	1321070185	Vương Sỹ	Thuận	29/09/1995	Hà Tây	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2016	1321070184	Đinh Văn	Thuận	28/10/1995	Quảng Ninh	2.51	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2017	1321070679	Phạm Hải	Triều	06/02/1995	Nghệ An	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2018	1321070687	Lương Hồng	Trung	08/12/1995	Nghệ An	3.03	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2019	1321070714	Nguyễn Thị	Vân	20/07/1994	Thanh Hóa	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2
2020	1321070722	Cao Đình	Vũ	16/03/1995	Hà Tĩnh	2.94	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT58_2

2021	1221070043	Lê Duy	Đức	28/03/1993	Nam Định	2.55	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
2022	1221070074	Nguyễn Xuân	Hướng	13/02/1994	Hà Tây	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM57
2023	1321070413	Đỗ Đình	Bắc	29/10/1995	Hà Bắc	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2024	1321070415	Nguyễn Sĩ	Bằng	07/08/1995	Hà Bắc	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2025	1321070016	Vũ Ngọc	Cảnh	02/04/1995	Quảng Ninh	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2026	1321070428	Đoàn Văn	Chung	10/10/1995	Hà Tĩnh	3.03	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2027	1321070026	Nguyễn Văn	Cương	19/09/1995	Hải Dương	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2028	1321070028	Hoàng Trọng	Cường	08/09/1990	Thanh Hóa	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2029	1321070052	Võ Trọng	Đồng	16/11/1994	Nghệ An	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2030	1321070031	Nguyễn Bá	Du	18/05/1995	Hải Dương	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2031	1321070032	Phan Ngọc	Duẩn	06/02/1994	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2032	1321070033	Phan Văn	Duẩn	16/03/1995	Hà Tĩnh	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2033	1321070053	Bùi Quang	Đức	02/08/1995	Quảng Ninh	2.82	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2034	1321070054	Lưu Phấn	Đức	06/05/1994	Hà Tây	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2035	1321070057	Hoàng Anh	Giáp	21/10/1995	Hải Phòng	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2036	1321070061	Biện Xuân	Hải	21/06/1995	Bắc Ninh	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2037	1321070080	Vũ Huy	Hoàng	25/09/1995	Quảng Ninh	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2038	1321070532	Đỗ Đức	Huy	23/02/1995	Nam Định	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2039	1321070550	Đậu Quang	Kiên	16/10/1995	Quảng Ninh	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2040	1321070555	Bùi Hữu	Kiều	12/05/1995	Nam Định	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2041	1321070107	Hà Văn	Lam	04/05/1995	Thái Bình	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2042	1321070113	Nguyễn Gia	Lư	16/03/1995	Thái Bình	2.60	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2043	1321070598	Bùi Văn	Nam	09/10/1995	Hưng Yên	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1

2044	1321070616	Trần Hùng	Phi	07/05/1993	Quảng Ninh	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2045	1321070145	Vũ Hồng	Phong	28/11/1995	Hà Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2046	1321070146	Lê Hữu	Phúc	02/09/1995	Hà Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2047	1321070150	Vũ Ngọc	Quang	21/05/1995	Thái Bình	2.86	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2048	1321070153	Vũ Thế	Quý	26/09/1995	Ninh Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2049	1321070163	Lê Văn	Tây	19/10/1994	Liên Bang Nga	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2050	1321070181	Phạm Duy	Thiện	16/11/1995	Quảng Ninh	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2051	1321070661	Nguyễn Xuân	Thịnh	25/03/1994	Hà Giang	3.34	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2052	1321070186	Hoàng	Thương	05/05/1994	Nghệ An	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2053	1321070187	Nguyễn Bá	Thương	08/05/1995	Thái Bình	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2054	1321070683	Ngô Văn	Trọng	13/04/1995	Nam Hà	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2055	1321070199	Phạm Văn	Trường	01/09/1995	Thái Bình	2.54	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2056	1321070202	Phạm Bá	Tuân	08/02/1994	Ninh Bình	2.92	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2057	1321070699	Nguyễn Tài	Tuấn	04/10/1995	Thái Bình	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2058	1321070702	Quyền Quốc	Tuấn	24/08/1995	Yên Bái	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2059	1321070210	Phan Quốc	Việt	26/01/1994	Hà Tĩnh	3.01	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2060	1321070721	Vũ Quang	Vinh	15/12/1995	Thái Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM58_1
2061	1421070462	Nguyễn Văn	Thành	28/06/1994	#N/A	2.98	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCXDNM59_1
2062	1321070012	Nguyễn Văn	Bằng	25/02/1995	Bắc Giang	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2063	1321070019	Nguyễn Văn	Chung	02/06/1995	Bắc Giang	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2064	1321070048	Lê Văn	Đề	18/12/1994	Thanh Hóa	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2065	1321070034	Đinh Văn	Dũng	10/03/1994	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2066	1321070059	Lê Văn	Hà	08/11/1994	Hưng Yên	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1

2067	1321070071	Nguyễn Trí	Hiếu	03/09/1995	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2068	1321070088	Vũ Xuân	Huy	30/06/1995	Hải Dương	2.77	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2069	1321070547	Phạm Minh	Khôi	01/10/1995	Hà Nội	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2070	1321070129	Phùng Công	Minh	29/09/1995	Hà Tây	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2071	1321070133	Văn Hoàng	Nam	07/12/1995	Hà Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2072	1321070602	Nguyễn Đoàn	Nam	19/04/1994	Hà Tây	2.52	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2073	1321070138	Nguyễn Văn	Ngọc	27/04/1995	Thanh Hóa	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2074	1321070156	Đỗ Đăng	Quyết	01/03/1993	Vĩnh Phú	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2075	1321070171	Phạm Văn	Thanh	18/09/1995	Nam Hà	2.58	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2076	1321070193	Nguyễn Văn	Tĩnh	09/02/1995	Nam Định	2.73	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2077	1321070194	Trần Trung	Toàn	01/10/1992	Thái Bình	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2078	1321070205	Phạm Văn	Tuấn	05/05/1995	Hà Nội	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_1
2079	1321070417	Lê Văn	Bình	13/08/1995	Thanh Hóa	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2080	1321070013	Chu Văn	Bình	23/02/1995	Hà Tây	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2081	1321070042	Trần Văn	Đại	10/04/1995	Thanh Hóa	2.70	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2082	1321070045	Đỗ Thành	Đạt	12/03/1995	Thái Bình	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2083	1321070046	Hàn Viết	Đạt	09/10/1995	Thanh Hóa	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2084	1321070468	Phạm Văn	Đoàn	28/03/1995	Hưng Yên	2.62	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2085	1321070035	Trần Anh	Dũng	25/10/1995	Hải Dương	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2086	1321070444	Nguyễn Tiến	Dũng	08/06/1995	Thanh Hóa	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2087	1321070039	Nguyễn Văn	Dương	27/10/1994	Hải Dương	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2088	1321070056	Nguyễn Đức	Đường	06/07/1993	Hà Tĩnh	2.81	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2089	1321070037	Trần Đức	Duy	18/03/1995	Nam Định	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2

C+ 1102

2090	1321070064	Đỗ Bá	Hạnh	05/05/1995	Thanh Hóa	2.66	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2091	1321070070	Nguyễn Hoàng	Hiếu	04/04/1995	Nghệ An	2.98	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2092	1321020104	Trần Văn	Hòa	20/05/1995	Hải Phòng	2.65	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2093	1321070522	Đinh Văn	Hùng	26/09/1995	Ninh Bình	2.64	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2094	1321070093	Nguyễn Cao	Hưng	29/11/1995	Thái Bình	2.34	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2095	1321070104	Vũ Hoàng	Khoa	28/07/1994	Nam Định	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2096	1321070558	Nguyễn Đức	Lâm	16/12/1994	Thái Bình	2.67	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2097	1321070564	Nguyễn Xuân	Lập	22/12/1995	Thanh Hóa	2.94	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2098	1321070118	Đinh Thế	Mạnh	13/10/1995	Hòa Bình	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2099	1321070126	Hoàng Nhật	Minh	22/10/1995	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2100	1321070135	Vũ Đình	Nghĩa	06/02/1995	Nam Định	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2101	1321070142	Đặng Văn	Phong	22/06/1995	Hà Nội	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2102	1321070159	Phan Ngọc	Sơn	10/11/1995	Hà Nội	2.68	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2103	1321070160	Nguyễn Văn	Sỹ	22/07/1995	Nam Hà	2.59	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2104	1321070180	Phạm Văn	Thắng	07/02/1995	Hà Nội	2.76	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2105	1321070668	Hà Văn	Tiến	16/08/1994	Hà Tĩnh	2.63	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2106	1321070196	Phùng Đức	Toàn	02/10/1995	Sơn La	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2107	1321070204	Nguyễn Thanh	Tuấn	04/09/1995	Vĩnh Phúc	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2108	1321070207	Đặng Ngọc	Tùng	13/03/1995	Nam Định	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN58_2
2109	1421070005	Nguyễn Dũng	Anh	16/12/1996	Thái Bình	3.15	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCXDXN59_2
2110	1121070130	Nguyễn Viết	Vinh	06/09/1993	Hà Nội	2.56	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	DCMOXN56
2111	0921060186	Vũ Lê	Thành	18/11/1991	Bắc Giang	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện-Điện tử	DCCDDT54
2112	1321020171	Nguyễn Đình	Quảng	26/10/1994	Hà Tĩnh	3.06	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4

2113	1321020200	Hoàng Phương	Thảo	24/10/1995	Bắc Kạn	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC_58_4
2114	1421050652	Trần Song	Toàn	23/06/1995	Quảng Ninh	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học Trắc địa	DCCTTD59_1
2115	1321030646	Đinh Văn	Khá	12/4/1995	Nam Định	2,73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD58_3
2116	1321030997	Nguyễn Hải	Yến	18/11/1994	Hà Tây	3,00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	DCTDDC58_1
2117	1021040440	Nguyễn Đức	Hoàng	23/09/1991	Hải Hưng	2,21	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	DCMONM55B
2118	1221050401	Đỗ Thanh	Tùng	7/5/1994	Hải Dương	2,38	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM57

C1 182

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1072 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế "Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế "Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày tháng năm 2018 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học khóa 60, khóa 61 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 103 sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học ngành đào tạo: Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Kỹ thuật Điện, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Kỹ thuật Xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2018 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 1072 /QĐ-MĐC ngày 14 tháng 8 năm 2018)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1631060002	Hồ Văn	Đức	15/08/1995	2.57	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD61
2	1631060005	Đặng Thành	Thịnh	20/09/1993	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD61
3	1631060008	Nguyễn Trọng	Hà	24/08/1995	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	LCCDDK61
4	1631060010	Bùi Ngọc	Hoàn	23/02/1994	2.54	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	LCCDDK61
5	1631060012	Nguyễn Duy	Sinh	3/4/1995	2.60	Khá	Kỹ thuật Điện	Điện khí hóa	LCCDDK61
6	1531060016	Trần Thị Thương	Chọn	15/8/1994	2.83	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDTD60_1
7	1531050003	Nguyễn Ngọc	Dũng	28/9/1994	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60_1
8	1531050004	Đặng Tài	Hội	17/03/1985	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60_1
9	1531050006	Phạm Thị Cát	Ly	19/9/1994	2.70	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60_1
10	1531050008	Nguyễn Văn	Tuân	1/5/1994	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60_1
11	1531050010	Trần Thanh	Tùng	19/5/1994	2.81	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	LCCTCT60_1
12	1631050003	Trần Đức	Huy	20/08/1993	2.93	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTPM61_1
13	1631050004	Nguyễn Thị Minh	Phương	1/11/1994	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTPM61_1
14	1631050005	Nguyễn Mạnh	Quang	30/11/1994	2.37	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTPM61_1
15	1631050006	Nhâm Thị	Trang	9/10/1995	2.89	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	LCCTPM61_1
16	1531020004	Nguyễn Đức	Bình	15/9/1992	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60_1
17	1531020412	Phạm Minh	Thương	15/02/1994	3.06	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60_1
18	1531020416	Đào Mai Thanh	Việt	30/9/1993	3.10	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC60_1
19	1631020002	Phan Xuân	Đăng	2/4/1991	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1

20	1631020003	Nguyễn Thế	Hào	19/02/1992	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
21	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCDC61_1
22	1434010009	Phạm Thị	Giang	22/06/1993	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT59
23	1534010017	Trương Thị	Hương	28/12/1994	2.96	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60
24	1534010016	Phạm Thị	Huyền	12/3/1994	2.86	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60
25	1534010405	Nguyễn Thị Thúy	Mai	17/02/1990	3.34	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60_2
26	1634010094	Vũ Thị Thu	Hà	29/10/1995	3.16	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
27	1634010012	Đỗ Diệu	Linh	12/7/1995	2.43	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
28	1634010029	Nguyễn Thị Thanh	Nga	29/01/1991	3.43	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
29	1634010030	Nguyễn Thị	Thanh	1/6/1993	2.85	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
30	1634010034	Triệu Thị Thanh	Tuyền	13/02/1990	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT61
31	1631040053	Phạm Quang	Huy	22/02/1994	2.85	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
32	1631040005	Nguyễn Văn	Tuân	17/11/1976	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO61
33	1531030025	Ngô Thùy	Hương	25/04/1994	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
34	1531030042	Trần Xuân	Phong	3/9/1993	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
35	1531030010	Trương Công	Dương	3/11/1991	2.85	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60_2
36	1531030405	Lê Đình	Duy	1/8/1993	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60_2
37	1631030007	Nguyễn Văn	Cường	9/12/1994	2.80	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
38	1631030011	Vũ Thị	Hoa	20/02/1990	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
39	1631030021	Nguyễn Thị	Oanh	15/06/1989	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
40	1631030026	Vũ Thị	Thủy	28/06/1994	3.57	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
41	1631030028	Lê Quỳnh	Trang	28/12/1994	2.97	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	LCTDDC61_2
42	1531030406	Nguyễn Văn	Duy	29/7/1991	2.82	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD60_1

43	1631030002	Nguyễn Đức	Anh	10/1/1995	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
44	1631030004	Lê Văn	Công	12/8/1993	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
45	1631030006	Đào Duy	Cường	20/07/1989	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
46	1631030014	Đoàn Văn	Khánh	4/9/1994	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
47	1631030018	Lê Văn	Nghĩa	7/1/1995	2.76	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
48	1631030024	Đậu Văn	Quyết	7/9/1994	2.81	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61_1
49	1631030050	Phạm Thị Ngọc	An	10/3/1993	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
50	1631030051	Phạm Tuấn	Anh	8/2/1993	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
51	1631030052	Phạm Thanh	Bình	16/03/1993	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
52	1631030053	Nguyễn Văn	Chính	10/11/1994	3.53	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
53	1631030091	Thân Trọng	Chung	26/11/1995	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
54	1631030055	Hồ Văn	Đàn	12/11/1990	3.17	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
55	1631030094	Phạm Ngọc	Duy	9/1/1990	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
56	1631030054	Vũ Minh	Duy	12/7/1992	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
57	1631030057	Nguyễn Phạm Hoàng	Giao	22/04/1995	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
58	1631030058	Dương Hồng	Hà	20/01/1993	2.91	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
59	1631030059	Tô Minh	Hảo	13/07/1991	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
60	1631030060	Nguyễn Thái	Hậu	1/1/1993	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
61	1631030061	Nguyễn Văn	Hiếu	22/12/1984	3.40	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
62	1631030063	Nguyễn Minh	Hóa	19/10/1993	3.30	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
63	1631030062	Đinh Thái	Hoàng	7/3/1992	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
64	1631030064	Trần Thị Ngọc	Hồng	10/12/1992	3.20	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
65	1631030065	Đặng Hữu	Huân	20/07/1983	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY

66	1631030066	Nguyễn Phùng	Huy	7/3/1992	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
67	1631030067	Nguyễn Tấn	Kha	26/08/1989	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
68	1631030068	Nguyễn Trần Minh	Khánh	17/06/1993	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
69	1631030069	Nguyễn Bảo	Linh	5/4/1993	3.08	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
70	1631030070	Trần Bảo	Lộc	4/6/1987	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
71	1631030071	Châu Minh	Lợi	23/04/1995	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
72	1631030072	Võ Tấn	Minh	24/07/1988	3.07	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
73	1631030073	Nguyễn Thị	Nhiên	17/06/1982	3.72	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
74	1631030074	Nguyễn Đức	Nhuận	9/7/1984	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
75	1631030075	Đặng Duy	Phong	30/10/1987	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
76	1631030076	Huỳnh Minh	Sang	7/4/1994	2.90	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
77	1631030077	Nguyễn Huỳnh	Sơn	12/5/1994	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
78	1631030078	Huỳnh Vũ	Tâm	15/01/1987	3.05	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
79	1631030079	Tạ Văn	Tân	17/11/1983	3.75	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
80	1631030096	Trần Văn	Tân	20/09/1986	3.61	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
81	1631030080	Đặng Võ Duy	Tấn	25/08/1992	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
82	1631030081	Ngô Tấn	Thành	16/02/1993	3.06	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
83	1631030082	Lưu Tấn	Thành	20/10/1995	3.00	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
84	1631030083	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1/6/1993	3.70	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
85	1631030095	Nguyễn Văn	Thiện	15/04/1992	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
86	1631030084	Trần Quốc	Thịnh	19/05/1993	3.02	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
87	1631030097	Chế Văn	Thời	11/11/1985	3.49	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
88	1631030085	Mai Thiện	Thuật	19/08/1993	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY

89	1631030086	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	27/10/1988	3.32	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
90	1631030087	Nguyễn Hữu	Tiên	20/07/1994	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
91	1631030088	Nguyễn Thế	Tiến	2/12/1988	3.24	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
92	1631030089	Trần Quốc	Toàn	1/12/1989	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
93	1631030090	Nguyễn Thanh	Toàn	1/8/1991	3.11	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
94	1631030098	Nguyễn Bảo	Tôn	7/4/1984	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
95	1631030092	Nguyễn Thành	Trụ	24/10/1991	2.95	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
96	1631030093	Lương Minh	Tuân	20/03/1989	3.25	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	LCTDTD61PY
97	1531070002	Bùi Tuấn	Anh	8/7/1993	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60_2
98	1531070004	Phạm Khắc	Anh	24/11/1994	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB_2
99	1531070016	Đỗ Văn	Đại	6/4/1991	2.50	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB_2
100	1531070024	Bùi Văn	Hạ	15/10/1993	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB_2
101	1631070010	Hoàng Văn	Định	17/12/1994	3.06	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC61_2
102	1531070027	Nguyễn Huy	Hùng	6/9/1994	2.61	Khá	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD60
103	1531070040	Bùi Văn	Nghĩa	28/9/1994	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LCXDXD60